

Số: 3145 /TĐC - HCHQ

Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2017

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CHỨNG NHẬN**

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp;

Căn cứ Quyết định số 27/2014/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đánh giá hợp chuẩn và hợp quy, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chứng nhận:

1. Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3

Địa chỉ: Số 49 Pasteur, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.38294274

Fax: 028.38293012

Email: qt-tonghop@quatest3.com.vn

Đã đăng ký hoạt động chứng nhận **tổng hợp đa ngành** trong lĩnh vực chứng nhận:

- Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn ISO 9001:2015/TCVN ISO 9001:2015;

- Chất lượng sản phẩm, hàng hóa phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

Danh mục cụ thể lĩnh vực đăng ký hoạt động chứng nhận trong Phụ lục kèm theo giấy chứng nhận này.

2. Số đăng ký: 37/CN - TĐC.

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký /. *Kg*

Nơi nhận:

- Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3;
- Bộ KH&CN (để b/c);
- Lưu: VT, HCHQ.

K: TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Hoàng Linh



Phụ lục

DANH MỤC CÁC HỆ THỐNG QUẢN LÝ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA VÀ TIÊU CHUẨN TƯƠNG ỨNG ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CHỨNG NHẬN
(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số 31/15/TĐC - HCHQ ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng).

TT	Tên Lĩnh vực hoạt động	Tên tiêu chuẩn áp dụng
A	Chứng nhận hệ thống quản lý	
1	Hệ thống quản lý chất lượng	- ISO 9001:2015 - TCVN ISO 9001:2015
B	Chứng nhận sản phẩm, hàng hóa phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia	
I	Vật liệu kim loại cơ bản và các sản phẩm bằng kim loại cơ bản	
1	Thép làm cốt bê tông	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - Tiêu chuẩn Việt Nam: TCVN 1651-1:2008, TCVN 1651-2:2008 TCVN 1651-3:2008 TCVN 6284-2:1997 TCVN 6284-3:1997 TCVN 6284-4:1997 TCVN 6284-5:1997 TCVN 7934:2009 TCVN 7935:2009 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
2	Gang: - Dạng hạt và bột - Dạng thỏi - Dạng khối - Dạng tảng, dạng cục hoặc các dạng tương tự - Các loại ống, ống dẫn và thanh hình có mặt cắt rỗng - Các sản phẩm khác bằng gang	- Tiêu chuẩn Quốc gia: TCVN 2361:1989, TCVN 3902:1984, TCVN 5016:1989 - Tiêu chuẩn Quốc tế: ISO 185:2005, ISO 1083:2004, ISO 5922:2005 - Tiêu chuẩn của Nhật Bản: JIS G5501:1995, JIS G5502:2001, JIS G 5503:1995 - Tiêu chuẩn của Mỹ: ASTM A48, ASTM A159, ASTM A536 - Tiêu chuẩn Trung Quốc: GB 8491-87, GB 9439-88, GB 9440-88 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
3	Sắt và thép: - Dạng hạt và bột - Dạng thỏi đúc hoặc các dạng thô khác - Dạng bán thành phẩm - Dạng cán phẳng - Dạng thanh và que	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - Tiêu chuẩn Quốc gia: TCVN 4399:2008, TCVN 1765:1975, TCVN 1766:1975

	- Dạng góc, khuôn, hình - Dạng dây, dây bện tao, thùng, cáp và các loại tương tự - Dạng thanh và que rỗng - Các loại ống, ống dẫn và thanh hình có mặt cắt rỗng - Các sản phẩm khác bằng sắt và thép	- Tiêu chuẩn Quốc tế: ISO 630:2011, ISO 4996 : 2007, ISO 4952:2006 - Tiêu chuẩn của Nhật Bản: JIS G 3101, JIS G 3503, JIS G 3505, JIS G 3112 - Tiêu chuẩn của Mỹ: ASTM A29, ASTM A27, ASTM 747 - Tiêu chuẩn Trung Quốc: GB 1220-2007, GB 3280-2007, GB 4240-2009 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
4	Đồng và hợp kim đồng: - Dạng mảnh vụn - Dạng khối, thỏi hoặc dạng thô khác - Dạng bột và vảy - Dạng thanh, que và dạng hình - Dạng dây, dây bện tao, cáp, dây tết và các loại tương tự - Dạng tấm, lá, dải và lá mỏng - Dạng thanh và que rỗng - Dạng ống, ống dẫn và hình có mặt cắt rỗng - Các sản phẩm khác bằng đồng	- Tiêu chuẩn Quốc gia: TCVN 5922:1995, TCVN 5933:1995, TCVN 5753: 1993 - Tiêu chuẩn Quốc tế: ISO 3488:1982, ISO 4382:1991, ISO 2016:1981 - Tiêu chuẩn của Nhật Bản: IS G 3100, JIS G 3110, IS G 3130 - Tiêu chuẩn của Mỹ: ASTM B124, ASTM B249, ASTM B187 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
5	Nhôm và hợp kim nhôm: - Dạng mảnh vụn - Dạng bột và vảy - Dạng khối, thỏi hoặc dạng thô khác - Dạng thanh, que, hình - Dạng tấm, lá, dải và lá mỏng - Dạng ống, ống dẫn và hình có mặt cắt rỗng - Dạng dây, dây bện tao, cáp, băng tết và các loại tương tự - Dạng ống, ống dẫn và hình có mặt cắt rỗng - Các sản phẩm khác bằng nhôm	- Tiêu chuẩn Quốc gia: TCVN 5838:1994, TCVN 5842:1994 - Tiêu chuẩn của ngành XD: TCXDVN 330:2004 - Tiêu chuẩn Quốc tế: ISO 209:2007, ISO 3522:2007, ISO 6279:2017 - Tiêu chuẩn của Nhật Bản: JIS H 4000, JIS H 4040, JIS H 4080 - Tiêu chuẩn của Mỹ: ASTM B209-14, ASTM B221-14, ASTM 421-16 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
6	Niken và hợp kim của niken: - Dạng mảnh vụn - Dạng bột và vảy - Dạng khối, thỏi hoặc dạng thô khác - Dạng thanh, que, hình và dây - Dạng tấm, lá, dải và lá mỏng - Dạng thanh và que rỗng - Dạng ống, ống dẫn và hình có mặt cắt rỗng - Các sản phẩm khác bằng niken	- Tiêu chuẩn Quốc tế: ISO 9725:2017, ISO 6207:1992, ISO 9723:1992 - Tiêu chuẩn của Nhật Bản: JIS G9403, JIS G9404, JIS G3601, JIS G3602 - Tiêu chuẩn của Mỹ: ASTM B161-5, ASTM B39-79, ASTM B564-17a - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
7	Chì và hợp kim của chì: - Dạng mảnh vụn - Dạng bột và vảy - Dạng thanh, que, hình và dây - Dạng tấm, lá, dải và lá mỏng - Dạng ống, ống dẫn và hình có mặt cắt rỗng - Các sản phẩm khác bằng chì	- Tiêu chuẩn Quốc gia: TCVN 3729:1982 - Tiêu chuẩn Quốc tế: ISO 4999:2014, ISO 7587:1986 - Tiêu chuẩn của Nhật Bản: JIS H 4301, JIS H 4303, JIS H 4311 - Tiêu chuẩn của Mỹ: ASTM B189-05, ASTM B29 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng

8	Kẽm và hợp kim của kẽm: - Dạng mảnh vụn - Dạng bột, bụi và vảy - Dạng thanh, que, hình và dây - Dạng tấm, lá, dải và lá mỏng - Dạng ống, ống dẫn và hình có mặt cắt rỗng - Các sản phẩm khác bằng kẽm	- Tiêu chuẩn Quốc gia: TCVN 2053:1993, TCVN 3103:1979 - Tiêu chuẩn Quốc tế: ISO 301:2006, ISO 752:2004, ISO 15201:2006 - Tiêu chuẩn của Nhật Bản: JIS H 2107, JIS H 2201, JIS H 8641 - Tiêu chuẩn của Mỹ: ASTM A153, ASTM 123, ASTM 1060 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
9	Thiếc và hợp kim của thiếc: - Dạng mảnh vụn - Dạng thanh, que, hình và dây - Dạng tấm, lá, dải và lá mỏng - Dạng ống, ống dẫn và hình có mặt cắt rỗng - Các sản phẩm khác bằng thiếc	- Tiêu chuẩn Quốc gia: TCVN 2052:1993; TCVN 9860:2013 - Tiêu chuẩn Quốc tế: ISO 7587:1986, ISO 4381:2011, ISO 2179:1986 - Tiêu chuẩn của Mỹ: ASTM A624, ASTM 626, ASTM 657 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
10	Các kim loại cơ bản khác và hợp kim của chúng: vonfram, molybden, magie, coban, bismut, cadimi, titan, zircon, antimon, mangan, crom, - Dạng mảnh vụn - Dạng thanh, que, hình và dây - Dạng tấm, lá, dải và lá mỏng - Dạng ống, ống dẫn và hình có mặt cắt rỗng - Các sản phẩm khác bằng kim loại cơ bản	- Tiêu chuẩn Quốc gia: TCVN 5045:1990 - Tiêu chuẩn Quốc tế: ISO 10392:2012, ISO 3116:2007 - Tiêu chuẩn của Nhật Bản: JIS H 4461, JIS H 4631, JIS H 4635 - Tiêu chuẩn của Mỹ: ASTM B999-15, ASTM B381-13, ASTM B318-11 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
11	Sản phẩm cơ khí, luyện kim, cấu kiện kim loại	- Tiêu chuẩn công bố áp dụng
II	Kim loại quý	
12	Bạc - Dạng mảnh vụn - Dạng thanh, que, hình và dây - Dạng tấm, lá, dải và lá mỏng - Bạc trang sức, mỹ nghệ - Các sản phẩm khác bằng bạc	- TCVN 10616:2014 (ISO 9202:2014) - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
13	Platin - Dạng mảnh vụn - Dạng thanh, que, hình và dây - Dạng tấm, lá, dải và lá mỏng - Platin trang sức, mỹ nghệ - Các sản phẩm khác bằng platin	- TCVN 10616:2014 (ISO 9202:2014) - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
14	Paladi - Dạng mảnh vụn - Dạng thanh, que, hình và dây - Dạng tấm, lá, dải và lá mỏng - Paladi trang sức, mỹ nghệ - Các sản phẩm khác bằng paladi	- TCVN 10616:2014 (ISO 9202:2014) - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
15	Vàng - Dạng mảnh vụn - Dạng thanh, que, hình và dây - Dạng tấm, lá, dải và lá mỏng	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - Tiêu chuẩn Việt Nam:

	- Vàng trang sức, mỹ nghệ - Các sản phẩm khác bằng vàng	TCVN 7054:2014, TCVN 5195:2014, TCVN 10616:2014 (ISO 9202:2014) - Tiêu chuẩn quốc tế: ISO 11426:1997 - Tiêu chuẩn của Mỹ ASTM B 562-99, ASTM E 1335 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
III Máy móc và thiết bị cơ khí		
16	Thang máy điện	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 7628-1:2007 - TCVN 7628-2:2007 - TCVN 6395:2008 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
17	Thang cuốn	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 6397:2010 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
18	Băng tải chở người	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 6397:2010 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
19	Xe nâng hàng	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 4244:2005 - TCVN 5206:1990 - TCVN 5209:1990 - ISO 4309:2004 - ISO 7363:1986 - ISO 4308-1:2003 - BS EN 13155:2003+A2:2009 - ASME B30.20-2010 - ASME B30.10-2005 - TCVN 4244: 2005 - TCVN 7772:2007 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
20	Thiết bị công tác nâng hạ người	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 4244: 2005 - TCVN 7772:2007 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
Cần trục kiểu cần, Thiết bị nâng hạ		
21	Cần trục ô tô	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật

		quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 4244:2005 - TCVN 5206:1990 - TCVN 5209:1990 - TCVN 7167-1:2002 - TCVN 8242-1:2009 - TCVN 7549-1:2005 - TCVN 5208-1:2008 - TCVN 8590-1:2010 - TCVN 5205-1:2013 - TCVN 7549-4:2007 - TCVN 5208-4:2008 - TCVN 8590-4:2010 - TCVN 5205-4:2008 - TCVN 10202:2013 - TCVN 11077:2015 - TCVN 8855-1:2011 - TCVN 8855-2:2011 - TCVN 5208-2:2013 - TCVN 8590-2:2010 - TCVN 5205-2:2008 - TCVN 7167-2:2002 - TCVN 8242-2:2009 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
22	Cần trục bánh lốp	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 4244:2005 - TCVN 5206:1990 - TCVN 5209:1990 - TCVN 7167-1:2002 - TCVN 8242-1:2009 - TCVN 7549-1:2005 - TCVN 5208-1:2008 - TCVN 8590-1:2010 - TCVN 5205-1:2013 - TCVN 7549-4:2007 - TCVN 5208-4:2008 - TCVN 8590-4:2010 - TCVN 5205-4:2008 - TCVN 10202:2013 - TCVN 11077:2015 - TCVN 8855-1:2011 - TCVN 8855-2:2011 - TCVN 5208-2:2013 - TCVN 8590-2:2010 - TCVN 5205-2:2008 - TCVN 7167-2:2002

kg

		- TCVN 8242-2:2009 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
23	Cần trục đường sắt	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 4244:2005 - TCVN 5206:1990 - TCVN 5209:1990 - TCVN 7167-1:2002 - TCVN 8242-1:2009 - TCVN 7549-1:2005 - TCVN 5208-1:2008 - TCVN 8590-1:2010 - TCVN 5205-1:2013 - TCVN 7549-4:2007 - TCVN 5208-4:2008 - TCVN 8590-4:2010 - TCVN 5205-4:2008 - TCVN 10202:2013 - TCVN 11077:2015 - TCVN 8855-1:2011 - TCVN 8855-2:2011 - TCVN 5208-2:2013 - TCVN 8590-2:2010 - TCVN 5205-2:2008 - TCVN 7167-2:2002 - TCVN 8242-2:2009 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
24	Cần trục bánh xích	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 4244:2005 - TCVN 5206:1990 - TCVN 5209:1990 - TCVN 7167-1:2002 - TCVN 8242-1:2009 - TCVN 7549-1:2005 - TCVN 5208-1:2008 - TCVN 8590-1:2010 - TCVN 5205-1:2013 - TCVN 7549-4:2007 - TCVN 5208-4:2008 - TCVN 8590-4:2010 - TCVN 5205-4:2008 - TCVN 10202:2013 - TCVN 11077:2015 - TCVN 8855-1:2011 - TCVN 8855-2:2011

kg

		- TCVN 5208-2:2013 - TCVN 8590-2:2010 - TCVN 5205-2:2008 - TCVN 7167-2:2002 - TCVN 8242-2:2009 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
25	Cần trục tháp	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 4244:2005 - TCVN 5206:1990 - TCVN 5209:1990 - TCVN 7167-1:2002 - TCVN 8242-1:2009 - TCVN 7549-1:2005 - TCVN 5208-1:2008 - TCVN 8590-1:2010 - TCVN 5205-1:2013 - TCVN 7549-4:2007 - TCVN 5208-4:2008 - TCVN 8590-4:2010 - TCVN 5205-4:2008 - TCVN 10202:2013 - TCVN 11077:2015 - TCVN 8855-1:2011 - TCVN 8855-2:2011 - TCVN 5208-3:2008 - TCVN 8590-3:2010 - TCVN 5205-3:2013 - TCVN 7167-3:2002 - TCVN 8242-3:2009 - TCVN 7549-3:2007 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
26	Cần trục chân đế	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 4244:2005 - TCVN 5206:1990 - TCVN 5209:1990 - TCVN 7167-1:2002 - TCVN 8242-1:2009 - TCVN 7549-1:2005 - TCVN 5208-1:2008 - TCVN 8590-1:2010 - TCVN 5205-1:2013 - TCVN 7549-4:2007 - TCVN 5208-4:2008 - TCVN 8590-4:2010

		- TCVN 5205-4:2008 - TCVN 10202:2013 - TCVN 11077:2015 - TCVN 8855-1:2011 - TCVN 8855-2:2011 - TCVN 5208-3:2008 - TCVN 8590-3:2010 - TCVN 5205-3:2013 - TCVN 7167-3:2002 - TCVN 8242-3:2009 - TCVN 7549-3:2007 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
27	Cần trục công xôn	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 4244:2005 - TCVN 5206:1990 - TCVN 5209:1990 - TCVN 7167-1:2002 - TCVN 8242-1:2009 - TCVN 7549-1:2005 - TCVN 5208-1:2008 - TCVN 8590-1:2010 - TCVN 5205-1:2013 - TCVN 7549-4:2007 - TCVN 5208-4:2008 - TCVN 8590-4:2010 - TCVN 5205-4:2008 - TCVN 10202:2013 - TCVN 11077:2015 - TCVN 8855-1:2011 - TCVN 8855-2:2011 - TCVN 5208-3:2008 - TCVN 8590-3:2010 - TCVN 5205-3:2013 - TCVN 7167-3:2002 - TCVN 8242-3:2009 - TCVN 7549-3:2007 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
28	Cần trục thiếu nhi	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 4244:2005 - TCVN 5206:1990 - TCVN 5209:1990 - TCVN 7167-1:2002 - TCVN 8242-1:2009 - TCVN 7549-1:2005

		- TCVN 5208-1:2008 - TCVN 8590-1:2010 - TCVN 5205-1:2013 - TCVN 7549-4:2007 - TCVN 5208-4:2008 - TCVN 8590-4:2010 - TCVN 5205-4:2008 - TCVN 10202:2013 - TCVN 11077:2015 - TCVN 8855-1:2011 - TCVN 8855-2:2011 - TCVN 5208-2:2013 - TCVN 8590-2:2010 - TCVN 5205-2:2008 - TCVN 7167-2:2002 - TCVN 8242-2:2009 - TCVN 5208-3:2008 - TCVN 8590-3:2010 - TCVN 5205-3:2013 - TCVN 7167-3:2002 - TCVN 8242-3:2009 - TCVN 7549-3:2007 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
29	Cần trục kiểu cầu: - Cầu trục: cầu trục lăn, cầu trục treo - Cổng trục - Bán cổng trục	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 4244:2005 - TCVN 5206:1990 - TCVN 5209:1990 - TCVN 7549-1:2005 - TCVN 5208-1:2008 - TCVN 8590-1:2010 - TCVN 5205-1:2013 - TCVN 7167-1:2002 - TCVN 8242-1:2009 - TCVN 5208-5:2008 - TCVN 8590-5:2010 - TCVN 5205-5:2008 - TCVN 8242-5:2009 - TCVN 8855-1:2011 - TCVN 8855-2:2011 - ISO 4309:2004 - ISO 7363:1986 - ISO 4308-1:2003 - BS EN 13155:2003+A2:2009 - ASME B30.20-2010 - ASME B30.10-2005 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng

30	Trục cáp chở hàng	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 4244:2005 - TCVN 5206:1990 - TCVN 5209:1990 - TCVN 7549-1:2005 - TCVN 5208-1:2008 - TCVN 8590-1:2010 - TCVN 5205-1:2013 - TCVN 7167-1:2002 - TCVN 8242-1:2009 - TCVN 8855-1:2011 - TCVN 8855-2:2011 - ISO 4309:2004 - ISO 7363:1986 - ISO 4308-1:2003 - BS EN 13155:2003+A2:2009 - ASME B30.20-2010 - ASME B30.10-2005 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
31	Trục cáp chở người	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 4244:2005 - TCVN 5206:1990 - TCVN 5209:1990 - TCVN 7549-1:2005 - TCVN 5208-1:2008 - TCVN 8590-1:2010 - TCVN 5205-1:2013 - TCVN 7167-1:2002 - TCVN 8242-1:2009 - TCVN 8855-1:2011 - TCVN 8855-2:2011 - ISO 4309:2004 - ISO 7363:1986 - ISO 4308-1:2003 - BS EN 13155:2003+A2:2009 - ASME B30.20-2010 - ASME B30.10-2005 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
32	Trục cáp trong các máy thi công	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 4244:2005 - TCVN 5206:1990 - TCVN 5209:1990

		- TCVN 7549-1:2005 - TCVN 5208-1:2008 - TCVN 8590-1:2010 - TCVN 5205-1:2013 - TCVN 7167-1:2002 - TCVN 8242-1:2009 - TCVN 8855-1:2011 - TCVN 8855-2:2011 - ISO 4309:2004 - ISO 7363:1986 - ISO 4308-1:2003 - BS EN 13155:2003+A2:2009 - ASME B30.20-2010 - ASME B30.10-2005 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
33	Trục tải giếng nghiêng	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 4244:2005 - TCVN 5206:1990 - TCVN 5209:1990 - TCVN 7549-1:2005 - TCVN 5208-1:2008 - TCVN 8590-1:2010 - TCVN 5205-1:2013 - TCVN 7167-1:2002 - TCVN 8242-1:2009 - TCVN 8855-1:2011 - TCVN 8855-2:2011 - ISO 4309:2004 - ISO 7363:1986 - ISO 4308-1:2003 - BS EN 13155:2003+A2:2009 - ASME B30.20-2010 - ASME B30.10-2005 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
34	Máy nâng các loại, cụ thể: - Pa lăng điện - Palăng kéo tay - Xe tời điện chạy trên ray - Tời điện dùng để nâng tải, kéo tải theo phương nghiêng - Tời thủ công - Máy vận thăng nâng hàng - Máy vận thăng nâng hàng kèm người - Máy vận thăng người - Bàn nâng - Sàn nâng dùng để nâng người	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 4244:2005 - TCVN 5206:1990 - TCVN 5209:1990 - ISO 4309:2004 - ISO 7363:1986 - ISO 4308-1:2003 - BS EN 13155:2003+A2:2009 - ASME B30.20-2010 - ASME B30.10-2005

kg

		- Tiêu chuẩn công bố áp dụng
	Thiết bị áp lực, đường ống	
35	Nồi hơi và các thiết bị chịu áp lực, cụ thể: - Nồi hơi - Nồi đun nước nóng - Bình chịu áp lực các loại - Bể (xi tec) và thùng dùng để chuyên chở	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 8366:2010 - TCVN 6155:1996 - TCVN 6008:2010 - AS 1210:1997 - AS 1349:1986 - BS EN 13345:2009 - ISO 11439:2000 - API 510:2006 - API Std 620:2009 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
36	Đường ống dẫn hơi nước, nước nóng	TCVN 6158:1996 TCVN 6008:2010 Tiêu chuẩn công bố áp dụng
37	Đường ống dẫn khí đốt cố định bằng kim loại	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 7441:2004 - TCVN 6486:2008 - TCXDVN 377:2006 - TCXDVN 387:2006 - TCVN 9385:2012 - TCVN 9358:2012 - TCVN 6008:2010 - ASME 31.3:2012 - ASME 31.8:2012 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
38	Hệ thống đường ống dẫn khí y tế	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 8022-1:2009 - TCVN 8022-2:2009 - TCVN 6008:2010 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
39	Các loại thiết bị chịu áp lực khác: nồi hấp thiết bị y tế, ...	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 8366:2010 - TCVN 6155:1996 - TCVN 6008:2010 - AS 1210:1997 - AS 1349:1986 - BS EN 13345:2009 - ISO 11439:2000

kg

		- API 510:2006 - API Std 620:2009 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
40	Máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ khác	Tiêu chuẩn công bố áp dụng
IV	Thiết bị bảo hộ lao động và mũ bảo hiểm	
41	Bộ lọc dùng trong bán mặt nạ và mặt nạ phòng độc	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - EN 14387:2004 - EN 404: 2005 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
42	Bộ lọc bụi	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - EN 143:2000 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
43	Mũ an toàn công nghiệp	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 6407:1998 - ISO 3873-1977 (E) - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
44	Hệ thống chống rơi ngã cá nhân	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 7802-1: 2007 (ISO 10333-1:2000) - TCVN 7802-2: 2007 (ISO 10333-2:2000) - TCVN 7802-3: 2007 (ISO 10333-3:2000) - TCVN 7802-4: 2008 (ISO 10333-4:2002) - TCVN 7802-5: 2008 (ISO 10333-5:2001) - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
45	Găng tay, ủng cách điện	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 8084:2009 (IEC 60903:2002) - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
46	Các loại thiết bị bảo hộ lao động khác: quần, áo bảo hộ lao động, găng tay bảo vệ, ...	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 2605:1978 - TCVN 2606:1978 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
47	Mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định

	và các phương tiện tham gia giao thông khác	trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
V	Sản phẩm công nghiệp dầu khí (dầu mỏ và các sản phẩm từ dầu mỏ)	
48	Khí dầu mỏ hóa lỏng LPG	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 6548:1999 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
49	Xăng, nhiên liệu diesel và nhiên liệu sinh học: - Xăng động cơ không pha chì - Xăng động cơ không pha chì đã pha chế với ethanol (xăng sinh học) - Nhiên liệu diesel - Nhiên liệu diesel (diesel) B5 - Diesel sinh học, không chứa dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ - Cồn ê-ti-lích chưa biến tính có nồng độ cồn từ 80% trở lên tính theo thể tích; đã biến tính, ở mọi nồng độ. (Etanol nhiên liệu biến tính/không biến tính)	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 6776:2013 - TCVN 7716:2011 - TCVN 7717:2007 - TCVN 8401:2015 - TCVN 8063:2015 - TCVN 8064:2015 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
50	Nhiên liệu sinh học gốc (B 100) dùng để pha trộn xăng E5, xăng E10 và nhiên liệu diesel B5	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
51	Dầu mỏ và các sản phẩm từ dầu mỏ khác: - Dầu khoáng thu được từ quá trình chưng cất dầu mỏ - Dầu hỏa (DO), dầu nhiên liệu (FO) - Nhiên liệu động cơ phản lực - Dung môi các loại - Dầu, mỡ bôi trơn - Nhựa đường, asphalt - Các loại sản phẩm khác	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 3892:1984 - TCVN 6239:2002 - TCVN 6240:2002 - TCVN 6426:2009 - TCVN 7493:2005 - TCVN 8936:2011 - TCVN 8937:2011 - TCVN 8938:2011 - TCVN 8818-1:2011 - TCVN 10507:2014 - TCVN 10508:2014 - TCVN 10509:2014 - TCVN 10510:2014 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
VI	Sản phẩm công nghiệp hàng tiêu dùng	
	Nguyên liệu dệt may và các sản phẩm dệt may	
52	Vải, sợi, xơ sợi và các sản phẩm bằng vải: - Quần, - Áo, - Khăn,	- TCVN 1780:1976 - TCVN 1795:1993 - TCVN 1856:1976 - TCVN 2366:1987

	- Chăn, - Mũ, ...	- TCVN 4539:1988 - TCVN 4540:1994 - TCVN 4737:1989 - TCVN 4894:1989 - TCVN 5443:1991 - TCVN 5813:1994 - TCVN 2242:1977 - TCVN 4876:1989 - TCVN 2108:1977 - TCVN 6054:1995 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
53	Da và các sản phẩm bằng da (bao gồm các sản phẩm bằng vải giả da)	- TCVN 5365:1991 - TCVN 5821:1994 - TCVN 5822:1994 - TCVN 10050:2013 - TCVN 10051:2013 - TCVN 10052:2013 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
54	Giày, dép các loại: - Giày, dép, không thấm nước - Giày, dép, bằng vải, cao su, da thuộc, da tổng hợp, plastic - Giày, dép, mũ dùng trong thể thao - Ghệt các loại - Các bộ phận của giày, dép: miếng lót chân, đệm lót chân	- TCVN 7544:2005 - TCVN 7545:2005 - TCVN 8208:2009 - TCVN 8840:2011 - TCVN 8841:2011 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
Sản phẩm gia dụng		
55	Các sản phẩm gia dụng bằng gốm sứ: - Các sản phẩm gốm sứ dùng trong nông nghiệp: bình, hũ,... - Các sản phẩm trang trí bằng gốm sứ: gạt tàn thuốc, hộp đựng thuốc lá, ... - Các sản phẩm gia dụng khác bằng gốm sứ	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
56	Các sản phẩm gia dụng bằng thủy tinh: - Bình thủy tinh, chai, bình thốt cỏ, lọ, bình bảo quản, nắp đậy bằng thủy tinh, ruột phích - Các sản phẩm trang trí bằng thủy tinh - Các sản phẩm gia dụng khác bằng thủy tinh	- TCVN 9036:2011 - TCVN 9101:2011 - TCVN 9171:2012 - TCVN 1838:1976 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
57	Các sản phẩm từ bột gỗ, giấy, bìa, các tông hoặc tấm xơ sợi xenlulo: - Giấy in, bìa in các loại - Giấy dán, bìa dán các loại - Giấy than, giấy tự nhân bản,... - Các-tông gợn sóng - Phong bì, bưu thiếp,... - Thùng, hộp, vỏ chứa, túi xách bằng giấy, bìa, tấm xenlulo, màng xơ sợi	- TCVN 1580:1993 - TCVN 5900:2001 - TCVN 5946:2007 - TCVN 5899:2001 - TCVN 6886:2001 - TCVN 6887:2001 - TCVN 7062:2007 - TCVN 7063:2002

	xenlulo,... - Sổ, sách, tập vở, album và các sản phẩm tương tự bằng giấy hoặc bìa - Các sản phẩm từ bột gỗ, giấy, bìa, tấm xơ sợi xenlulo khác	- TCVN 9251:2012 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
58	Nhựa và các sản phẩm từ nhựa: - Polyetylen - Polypropylen - Polystyren - Polyvinylclorua - Polyvinyl axetat hoặc từ các loại este khác (poly vinyl alcohol) - Poly metyl metacrylat - Polyaxetat, poly ete, nhựa epoxit, poly carbonat, nhựa alkyd, este polyallyl, poly este khác - Poly amide - Nhựa amino, nhựa phenolic, nhựa polyurethan - Silicon - Nhựa cumaron-inden, poly sulphua, poly sulphon, poly terpen - Polyme tự nhiên - Nhựa tái sinh - Các loại nhựa khác - Hạt nhựa, bột nhựa, resin và dung dịch polyme - Các sản phẩm nhựa: màng nhựa, tấm nhựa, túi nhựa phân hủy sinh học, ...	- TCVN 4500:1988 - TCVN 5819:1994 - TCVN 5820:1994 - TCVN 10103:2013 - TCVN 10105:2013 - TCVN 10672-1:2015 - TCVN 10107:2013 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
59	Cao su và các sản phẩm từ cao su: - Cao su tự nhiên - Cao su tổng hợp: styren-butadien (SBR và XSBR), butadien (BR), isobuten-isopren, ... - Cao su tái sinh - Cao su lưu hóa - Các loại cao su khác - Các sản phẩm cao su: ống cao su dùng cho máy bơm nước, không khí nén, ống dẫn khí axetylen; ...	- TCVN 2226:1977 - TCVN 2227:1977 - TCVN 2228:1977 - TCVN 3769:2016 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
60	Găng tay cao su	- TCVN 6344:2007 (ISO 10282:2002) - ASTM D 3578-05 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
61	Găng tay khám bệnh sử dụng một lần	- TCVN 6343-1:2007 (ISO 11193-1 : 2002, With Amendment 1 : 2007) - TCVN 6343-2:2007 (ISO 11193-2 : 2006) - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
62	Bao cao su tránh thai	- TCVN 6342:2007 (ISO 4074:2002) - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
63	Săm, lốp xe đạp, xe máy, xe ô tô	- TCVN 1591-1:2006 - TCVN 1591-2:2006

		- TCVN 5721-1:2002 - TCVN 5721-2:2002 - TCVN 7530:2005 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
64	Ổng và hệ ống cao su dùng trong hệ thống làm mát động cơ đốt trong	- TCVN 10524:2014 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
65	Ổng và cấu kiện ống cao su để hút và xả nước	TCVN 10526:2014 Tiêu chuẩn công bố áp dụng
66	Gỗ và các sản phẩm từ gỗ: - Bàn - Ghế - Tủ - Kệ - Giường, ...	- TCVN 5373:1991 - TCVN 7755:2007 - TCVN 8168-1:2009 - TCVN 9083:2011 - TCVN 4358:1986 - TCVN 10314:2015 - TCVN 10315:2015 - TCVN 10316:2015 - TCVN 10575:2014 - TCVN 11204:2015 - TCVN 11574:2014 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
67	Các sản phẩm công nghiệp hàng tiêu dùng khác	- Tiêu chuẩn công bố áp dụng
Sản phẩm gia dụng có nguồn gốc từ giấy và đồ chơi trẻ em		
68	Khăn giấy và giấy vệ sinh	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 7064:2010 - TCVN 7065:2010 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
69	Tã giấy trẻ em, tã lót (bỉm) và các loại tương tự	- TCVN 10584:2014 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
70	Băng vệ sinh	- TCVN 10585:2014 Tiêu chuẩn công bố áp dụng
71	Đồ chơi trẻ em (Xe đạp ba bánh, xe đẩy, xe có bàn đạp và đồ chơi tương tự có bánh (<i>chiều cao yên tối đa 435 mm</i>); xe của búp bê; búp bê; đồ chơi khác; mẫu thu nhỏ theo tỷ lệ ("scale") và các mẫu đồ chơi giải trí tương tự, có hoặc không vận hành; các loại đồ chơi đồ trí (puzzles- có tối đa 500 miếng ghép)).	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 6238-1:2011 - TCVN 6238-2:2008 - TCVN 6238-3:2011 - TCVN 6238-4A:2011 - TCVN 6238-5:1997 - EN 71-1 - EN 71-2 - EN 71-3 - EN 71-8 - EN 71-9 - ISO 8124-1:2012 - ISO 8124-2:2007 - ISO 8124-3:2010

		- ISO 8124-4:2010 - ISO/IEC guide 50:2002 - ASTM F 963-11 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
VII	Phân bón, thuốc bảo vệ thực vật	
72	Phân bón: - Phân bón vô cơ - Phân bón hữu cơ	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến phân bón (Danh mục các loại phân bón được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng tại Việt Nam được ban hành bởi các Thông tư sau: + 17/2009/TT-BNNPTNT + 43/2009/TT-BNNPTNT + 62/2009/TT-BNNPTNT + 85/2009/TT-BNNPTNT + 40/2010/TT-BNNPTNT + 29/2011/TT-BNNPTNT + 42/2011/TT-BNNPTNT + 59/2011/TT-BNNPTNT + 86/2011/TT-BNNPTNT + 13/2012/TT-BNNPTNT + 31/2012/TT-BNNPTNT + 45/2012/TT-BNNPTNT + 64/2012/TT-BNNPTNT + 38/2013/TT-BNNPTNT + 19/2014/TT-BNNPTNT + Các thông tư còn hiệu lực khác do BNNPTNT ban hành qua các thời kỳ) - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
73	Thuốc bảo vệ thực vật	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến thuốc bảo vệ thực vật (Danh mục các loại thuốc bảo vệ thực vật được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng tại Việt Nam được ban hành bởi các Thông tư sau: + 34/2015/TT-BNNPTNT + 03/2016/TT-BNNPTNT + 06/2017/TT-BNNPTNT + 15/2017/TT-BNNPTNT - Các thông tư còn hiệu lực khác do BNNPTNT ban hành qua các thời kỳ) - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
VIII	Hóa chất và các sản phẩm của ngành công nghiệp hóa chất	
	Hóa chất vô cơ và hữu cơ	
74	Hóa chất vô cơ:	- TCVN 1068:2009

	- Muối vô cơ - Axit vô cơ - Bazo vô cơ - Các ôxít axit và ôxít bazo - Các đơn chất và hợp chất vô cơ khác	- TCVN 3286:1979 - TCVN 1556:1997 - TCVN 5719-1:2009 - TCVN 2613:1993 - TCVN 3793:1983 - TCVN 1446:2009 - TCVN 3828:1982 - TCVN 5848:1994 - TCVN 6302:1997 - TCVN 6303:1997 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
75	Hóa chất hữu cơ: - Hydrocarbon và các dẫn xuất - Rượu, phenol và các dẫn xuất của chúng - Ete, peroxit và các dẫn xuất của chúng - Andehyt và cá dẫn xuất của chúng - Axit hữu cơ và các dẫn xuất của chúng - Este và các dẫn xuất của chúng - Hợp chất chức nitơ và dẫn xuất của chúng - Các chất hữu cơ khác	- TCVN 10222:2013 - TCVN 10223:2013 - TCVN 5516:2010 - TCVN 8570:2010 - TCVN 1052:2009 - TCVN 1793:2009 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
Sản phẩm của ngành công nghiệp hóa chất		
76	Tinh dầu của: - Cam - Chanh - Quýt - Bạc hà - Bưởi...	- TCVN 8460:2010 - TCVN 8449:2010 - TCVN 11420:2016 - TCVN 11421:2016 - TCVN 11422:2016 - TCVN 11423:2016 - TCVN 11424:2016 - TCVN 11425:2016 - TCVN 11426:2016 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
77	Mỹ phẩm; các chế phẩm để trang điểm; chế phẩm dưỡng da; chế phẩm chống nắng hoặc bắt nắng; chế phẩm dùng trang điểm móng tay, móng chân: - Chế phẩm trang điểm môi - Chế phẩm trang điểm mắt - Chế phẩm dùng cho móng tay, móng chân. - Kem ngăn ngừa mụn, trứng cá - Mỹ phẩm và các chế phẩm khác	- TCVN 5818:1994 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
78	Chế phẩm dùng cho tóc: - Dầu gội - Keo xịt tóc - Chế phẩm uốn tóc hoặc làm duỗi tóc - Các chế phẩm khác dùng cho tóc	- TCVN 6972:2001 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
79	Chế phẩm dùng cho vệ sinh răng	- TCVN 5816:2009

	miệng: - Kem, bột làm sạch chân răng - Chỉ tơ nha khoa - Các chế phẩm khác dùng cho vệ sinh răng miệng	- Tiêu chuẩn công bố áp dụng
80	Xà phòng; các sản phẩm và chế phẩm hoạt động bề mặt dùng tương tự xà phòng: - Dạng thanh - Dạng miếng - Bánh - Hình dạng nhất định - Dạng lỏng, dạng kem	- TCVN 2225:1991 - TCVN 2224:1991 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
81	Các chế phẩm dùng để giặt, rửa, tẩy sạch, làm sạch	- TCVN 6970:2001 - TCVN 6971:2001 - TCVN 5720:2001 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
82	Cao su thiên nhiên SRV	- TCVN 3769:2004 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
83	Latex cao su thiên nhiên cô đặc được bảo quản bằng amoniac và được chế biến bằng phương pháp ly tâm hoặc kem hóa	- TCVN 6314:2013 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
84	Ống nhựa PVC không hóa dẻo (PVC-U)	- TCVN 8491-1:2011 - IEC 1452-1:2009 - AS/NZS 1477:2006/Amd 1:2009 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
85	Ống nhựa Polyethylene (PE)	- ISO 4427-2:2007 - ASTM D 2239-03 - DIN 8075:1999 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
86	Ống nhựa Polypropylene (PP)	- DIN 8077:2008 - DIN 8078:2008 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
87	Ống nhựa Chlorinated Poly (Vinyl Chloride) (CPVC)	- ASTM F441-09/F441 M-09 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
88	Các loại hóa chất và sản phẩm của ngành công nghiệp hóa chất khác	- Tiêu chuẩn công bố áp dụng
IX	- Khoáng sản	
89	Muối: - Muối ăn, natri clorua tinh khiết - Muối mỏ - Muối làm từ nước biển	- TCVN 9638:2013 - TCVN 9639:2013 - TCVN 9640:2013 - TCVN 3974:2015 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
90	Nhiên liệu khoáng: - Than đá, than bánh, than quả bàng và nhiên liệu tương tự sản xuất từ than đá: than bi-tum, than để luyện cốc, ... - Than non, than bùn - Than cốc, than nửa cốc, muội bình chung than đá	- TCVN 8910:2015 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng

	- Khí than đá, khí than ướt, khí than - Hắc ín chưng cất từ than đá, than non hoặc than bùn, ...	
X	Các sản phẩm thực phẩm, nông sản, thủy sản	
	Các sản phẩm thực phẩm	
91	Sữa dạng lỏng	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
92	Sữa dạng bột	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
93	Phomat	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
94	Chất béo từ sữa	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến an toàn thực phẩm - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
95	Sản phẩm sữa lên men	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
96	Nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
97	Đồ uống không cồn	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 7946 : 2008 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
98	Đồ uống có cồn	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến đồ uống có cồn Tiêu chuẩn công bố áp dụng
99	Muối Iod	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
100	Thực phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
101	Nước đá dùng liền	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm

		Tiêu chuẩn công bố áp dụng
102	Sản phẩm dinh dưỡng công thức cho trẻ đến 12 tháng tuổi	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
103	Sản phẩm dinh dưỡng công thức với mục đích y tế đặc biệt cho trẻ đến 12 tháng tuổi	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
104	Sản phẩm dinh dưỡng công thức với mục đích ăn bổ sung cho trẻ từ 6 tháng tuổi đến 36 tháng tuổi	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
105	Sản phẩm dinh dưỡng chế biến từ ngũ cốc cho trẻ từ 6 tháng tuổi đến 36 tháng tuổi	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
106	Sản phẩm dinh dưỡng công thức	Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
Nông sản		
107	Rau tươi: - Rau ăn lá: rau lang, rau ngót, rau dền, ... - Rau ăn thân: bạc hà, măng, măng tây, ... - Rau ăn củ và rễ: ngó sen, cà rốt, củ dền, củ cải, ... - Rau ăn quả: bầu, bí, mướp, dưa leo, ... - Rau ăn hoa: hoa chuối, hoa thiên lý, hoa diên điển, ... - Rau thơm: rau húng, rau răm, rau thơm, ngò, ...	Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 11041:2015 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
108	Hoa quả tươi và nước quả ép trái cây, nectar quả: - Quả mọng - Quả có múi - Quả có hạt	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 1871:2014 - TCVN 1872:2007 - TCVN 1873:2014 - TCVN 7946:2008 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
109	Rau khô, quả khô	Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
110	Mứt trái cây	Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 1870:2007 - TCVN 10393:2014

		- Tiêu chuẩn công bố áp dụng
111	Nấm	Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 5322:1991 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
112	Cây lương thực: - Gạo - Lúa mì - Kê - Ngô - Yên mạch - Đại mạch,	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 5644:2008 - TCVN 6095:2015 - TCVN 5258:2008 - TCVN 8368:2010 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
113	Cây họ đậu: - Đậu xanh - Đậu đen - Đậu đỏ, ...	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 9705:2013 - TCVN 8797:2011 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
114	Chè và sản phẩm chè	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 9740:2013 - TCVN 7975:2008 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
115	Cà phê và sản phẩm cà phê	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 5251:2015 - TCVN 9279:2012 - TCVN 5252:1990 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
116	Cacao và sản phẩm cacao (bao gồm sôcôla)	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 10724:2015 - TCVN 10725:2015 - TCVN 10726:2015 - TCVN 10727:2015 - TCVN 7519:2005 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
117	Hạt điều	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 4850:2010 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
118	Thuốc lá	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật

		quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 6666:2000 - TCVN 6667:2000 - TCVN 6935:2001 - TCVN 7090:2002 - TCVN 7091:2002 - TCVN 7092:2002 - TCVN 7262:2003 - TCVN 7263:2003 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
119	Gia vị: - Ớt: ớt bột, ớt cựa gà, ớt cay. - Hạt tiêu khô bao gồm cả tiêu trắng và tiêu đen - Hạt nhục đậu khấu. - gừng và nghệ - Hỗn hợp các loại gia vị trên	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
Thủy sản		
120	Nhóm cá: Cá vây chân, cá da trơn, cá ngừ, cá chình, cá sơn, cá tuyết, cá bon lười ngựa, cá cò, cá bon bướm, cá phèn, cá nhồng lớn, cá tuyết nhỏ, cá nhám góc, cá đuối, cá vây đỏ, cá cò lá, cá hổ, cá bao kiếm, cá vền biển, cá mập, cá thu rắn, cá tầm, cá kiếm	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 9586:2014 - TCVN 8338:2010 - TCVN 10463:2014 - TCVN 10464:2014 - TCVN 9217:2012 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
121	Nhóm thực vật: Rong biển, tảo biển,	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 10371:2014 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
122	Nhóm giáp xác: tôm, cua, ghẹ, ...	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 4381:2009 - TCVN 10257:2014 - TCVN 8398:2012 - TCVN 8399:2010 - TCVN 8337:2010 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
123	Nhóm nhuyễn thể hai mảnh vỏ: nghêu, sò, hào, ốc, trai, ...	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 8681:2011 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
124	Nhóm nhuyễn thể chân đầu: mực, bạch tuộc, ...	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm

		- TCVN 5651:1992 - TCVN 5652:1992 - TCVN 7105:2002 - TCVN 8335:2010 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
125	Nhóm nhuyễn thể chân đầu	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
126	Nhóm động vật thủy sinh không có xương sống: hải sâm, cầu gai, sứa, ...	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
127	Nhóm động vật có xương sống và bò sát: cá sấu, ếch, rắn, lươn, ...	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 10465:2014 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
	Nước chấm	
128	Nước mắm	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 5107:2003 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
129	Nước tương	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 1763:2008 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
130	Mắm tôm	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 8679:2011 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
131	Mayonnaise	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 8739:2011 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
132	Tương ớt	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 7397:2014 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
133	Tương cà chua	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 7398:2014 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng

134	Nước sốt trộn salad	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 8740:2011 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
135	Các sản phẩm tương tự	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
Các loại thực phẩm khác		
136	Dầu và mỡ động vật	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 6044:2013 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
137	Bơ thực vật, dầu thực vật	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 7400:2010 - TCVN 7597:2013 - TCVN 10126:2013 - TCVN 10127:2013 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
138	Thực phẩm bổ sung: - Có nguồn gốc từ rong biển khô hoặc sản phẩm từ rong biển - Không có nguồn gốc từ rong biển khô hoặc sản phẩm từ rong biển	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
139	Dấm	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
140	Kẹo	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 5908:2009 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
141	Bánh	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 5909:1995 - TCVN 7406:2004 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
142	Sản phẩm ngũ cốc dạng sợi ăn liền: - Mì ăn liền - Bún khô ăn liền - Miếng ăn liền - Các sản phẩm ngũ cốc dạng sợi ăn liền tương tự khác	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 7879:2008 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng

143	Bột canh gia vị: - Bột ngọt (mì chính) - Bột canh, bột nấm - Các sản phẩm tương tự	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 1459:2008 - TCVN 7396:2004 - Các TCVN đối với các sản phẩm tương ứng - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
144	Thịt các loại: - Thịt trâu - Thịt bò - Thịt lợn - Thịt cừu - Thịt gia cầm - Thịt ngựa - Các loại thịt khác	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 7046:2009 - TCVN 7047:2009 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
145	Thịt hộp	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 7048:2002 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
146	Nội tạng từ các loại động vật: trâu, bò, lợn, cừu, gia cầm, ngựa, ...	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
147	Bột cà ri	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 11451:2016 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
148	Muối ăn	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 3974:2015 - TCVN 9639:2013 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
149	Đường: sucroza, lactoza, mantoza, glucoza, fructoza,..	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 6958:2001 - TCVN 7968:2008 - TCVN 7270:2003 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
150	Mật ong, mật ri	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 5267-1:2008 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
151	Tiền vitamin và vitamin:	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định

	- Vitamin A, B1, B2, B6, B12, C, D, E,... - Các dẫn xuất của các vitamin	trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
152	Các loại sản phẩm thực phẩm khác	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
Phụ gia và chất hỗ trợ chế biến thực phẩm		
153	Các chất được sử dụng để bổ sung kẽm vào thực phẩm	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
154	Acid folic được sử dụng để bổ sung vào thực phẩm	
155	Các chất được sử dụng để bổ sung sắt vào thực phẩm	
156	Các chất được sử dụng để bổ sung calci vào thực phẩm	
157	Các chất được sử dụng để bổ sung maginesi vào thực phẩm	
158	Kali iodat được sử dụng để bổ sung iod vào thực phẩm	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
159	Phụ gia thực phẩm - chất điều vị	
160	Phụ gia thực phẩm - chất làm ẩm	
161	Phụ gia thực phẩm - chất tạo xốp	
162	Phụ gia thực phẩm - chất chống đông vón	
163	Phụ gia thực phẩm - chất giữ màu	
164	Phụ gia thực phẩm - chất chống ô xi hóa	
165	Phụ gia thực phẩm - chất chống tạo bọt	
166	Phụ gia thực phẩm - chất ngọt tổng hợp	
167	Phụ gia thực phẩm - chất làm rắn chắc	
168	Phụ gia thực phẩm - phẩm màu	
169	Phụ gia thực phẩm - chất điều chỉnh độ axit	
170	Phụ gia thực phẩm - chất bảo quản	
171	Phụ gia thực phẩm - chất ổn định	
172	Phụ gia thực phẩm - chất tạo phức kim loại	
173	Phụ gia thực phẩm - chất xử lý bột	
174	Phụ gia thực phẩm - chất độn	
175	Phụ gia thực phẩm - chất khí đẩy	
176	Phụ gia thực phẩm - chế phẩm tinh bột	
177	Phụ gia thực phẩm - enzym	
178	Phụ gia thực phẩm - chất làm bóng	
179	Phụ gia thực phẩm - chất làm giòn	
180	Phụ gia thực phẩm - chất nhũ hóa	
181	Phụ gia thực phẩm - chất tạo bọt	

182	Các loại phụ gia và chất hỗ trợ chế biến thực phẩm khác	
	Bao bì, vật liệu, dụng cụ tiếp xúc thực phẩm	
183	Bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
184	Bao bì, dụng cụ bằng cao su tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm	
185	Bao bì, dụng cụ bằng kim loại tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm	
186	Bao bì, dụng cụ làm bằng thủy tinh, gốm, sứ và tráng men tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 7146-2:2002 - TCVN 7147-2:2002 - TCVN 7148-2:2002 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
187	Các loại bao bì, dụng cụ tiếp xúc thực phẩm bằng vật liệu khác: gỗ; tre; ...	- EU framework regulation concerning Food Contact Products no 1935/2004 and all regulation directives and amendments under this framework regulation . - Standards and Specifications for Utensils, containers and packing for Food Products. - GB 19305 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
XI	Thức ăn chăn nuôi	
188	Nguyên liệu, phụ gia thức ăn chăn nuôi	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm (Danh mục thức ăn chăn nuôi, thủy sản; nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép nhập khẩu và lưu hành tại Việt Nam được ban hành bởi các Thông tư sau: + 26/2010/TT-BNNPTNT + 08/2013/TT-BNNPTNT + 08/2013/TT-BNNPTNT + Các thông tư còn hiệu lực khác do BNNPTNT ban hành qua các thời kỳ) - TCVN 9473:2012 - TCVN 1547:2007 - TCVN 10381:2014 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
189	Thức ăn chăn nuôi hoàn chỉnh: - Thức ăn hỗn hợp cho gia súc, gia cầm, bao gồm: thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh và thức ăn đậm đặc cho lợn, gà, chim cút, ngan, vịt; thức ăn tinh hỗn hợp cho bê và bò thịt. - Thức ăn chăn nuôi thủy sản	
XVI	Hàng thiết bị điện, điện tử, thiết bị công nghệ thông tin và viễn thông	
	Thiết bị điện gia dụng và các thiết bị điện trong tự	
190	Máy hút bụi và thiết bị làm sạch có hút	- TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-

	nước	1:2010) - TCVN 5699-2-2:2007 (IEC 60335-2-2 : 2004) - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
191	Bàn là điện: - Bàn là điện không phun hơi nước; - Bàn là điện có phun hơi nước; - Bàn là điện có bình chứa nước hoặc nổi hơi tách rời có dung tích không lớn hơn 5 lít)	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) - TCVN 5699-2-3:2010 (IEC 60335-2-3:2008) - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
192	Máy vắt ly tâm	-TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-4:2014 (IEC 60335-2-4:2012) - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
193	Máy rửa bát	-TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) - TCVN 5699-2-5:2014 (IEC 60335-2-5:2012) - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
194	Lò liên bếp, ngăn giữ nóng, lò đặt tĩnh tại và các thiết bị tương tự: - Bếp nướng; - Ngăn giữ nóng cảm ứng; - Phần tử chảo cảm ứng; - Lò tự làm sạch bằng nhiệt phân; - Lò nấu bằng hơi nước. - Các thiết bị tương tự khác	TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) TCVN 5699-2-6:2010 (IEC 60335-2-6:2008) Tiêu chuẩn công bố áp dụng
195	Lò nướng điện, vi nướng điện (loại di động)	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm -TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-6:2010 (IEC 60335-2-6:2008) -TCVN 5699-2-9:2010 (IEC 60335-2-9:2008) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
196	Máy giặt	-TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-7:2010 (IEC 60335-2-7:2008) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
197	Máy cạo râu, tông đơ điện và thiết bị tương tự - Máy cạo râu - Tông đơ điện - Máy xé lông động vật - Máy cắt lông động vật - Các thiết bị dùng cho hiệu cắt tóc. - Các thiết bị tương tự khác	-TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-8:2007 (IEC 60335-2-8: 2005) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng

198	Dụng cụ nhiệt gia dụng loại di động có khối lượng không quá 18 kg: - Phên nướng sử dụng trong nhà; - Thiết bị làm bánh mỳ; - Lò nướng tiếp xúc (bếp nướng); - Lò liên bếp; - Máy loại bột nước trong thực phẩm; - Bếp điện; - Bếp đun dạng tấm; - Thiết bị nổ bóng ngô; - Lò di động; - Lò nướng raclette; - Lò nướng bức xạ; - Lò quay thịt; - Lò nướng có chuyển động quay; - Lò quay thịt bằng xiên; - Lò nướng bánh mỳ; - Lò nướng bánh xốp theo khuôn; - Thiết bị kiểu vỉ nướng và tương tự như lò quay thịt; - Các thiết bị nấu di động tương tự	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm -TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-9:2010 (IEC 60335-2-9:2008) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
199	Máy xử lý sàn và máy cọ rửa - Máy đánh bóng sàn bằng vải mềm; - Máy đánh nhẵn sàn; - Máy đánh xi sàn. - Máy cọ rửa sàn; - Máy giặt thảm; - Máy giặt đệm. - Các thiết bị tương tự khác	-TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-10:2007 (IEC 60335-2-10:2005) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
200	Thiết bị làm khô có cơ cấu đảo	-TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-11:2006 (IEC 60335-2-11:2003, Amd. 2:2006) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
201	Tấm gia nhiệt và các thiết bị tương tự	-TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-12:2006 (IEC 60335-2-12:2005) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
202	Chảo rán ngập dầu, chảo rán và các thiết bị tương tự	-TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-13:2007 (IEC 60335-2-13:2004) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
203	Máy dùng cho nhà bếp - Máy thái quả đỗ; - Máy vắt nước quả bery; - Máy khuấy thực phẩm; - Dụng cụ mở hộp; - Máy ép nước quả kiểu ly tâm; - Máy làm bơ; - Máy vắt cam; - Máy xay cà phê có dung tích phễu	-TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-14:2007 (IEC 60335-2-14:2005) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng

	- không vượt quá 500g; - Máy đánh kem; - Máy đánh trứng; - Máy trộn thực phẩm; - Máy sơ chế thực phẩm; - Máy nghiền hạt có dung tích phễu không vượt quá 3 lít; - Máy nạo; - Máy làm kem, kể cả các máy sử dụng trong tủ lạnh và tủ đá; - Dụng cụ mài dao; - Các loại dao; - Máy xay thịt; - Máy làm mì sợi; - Máy gọt vỏ khoai tây; - Máy xát; - Máy rây; - Máy cắt lát. - Máy xay sinh tố - Các máy dùng cho nhà bếp khác	
204	Thiết bị đun chất lỏng - Chảo điện; - Nồi nấu (luộc) trứng; - Thiết bị đun nóng chai chứa thức ăn; - Ấm điện và các thiết bị khác dùng để đun sôi nước, có dung tích danh định không vượt quá 10 L; - Thiết bị đun sữa; - Nồi áp suất có áp suất nấu danh định không quá 140 kPa và dung tích danh định không vượt quá 10 L; - Nồi nấu chậm (lẩu điện); - Nồi hấp; nồi giặt; - Thiết bị làm sữa đậu nành; - Ấm pha trà, ấm sắc thuốc - Thiết bị đun làm sữa chua. - Bếp đun dạng tấm đun - Thiết bị nóng chai chứa thức ăn - Các thiết bị đun chất lỏng khác	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm -TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-15:2013 (IEC 60335-2-15:2012) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
205	Ấm đun nước	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm -TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-15:2013 (IEC 60335-2-15:2012) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
206	Nồi cơm điện	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm

		-TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-15:2013 (IEC 60335-2-15:2012) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
207	Dụng cụ pha chè hoặc cà phê	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm -TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-15:2013 (IEC 60335-2-15:2012) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
208	Chăn, gối và các thiết bị gia nhiệt uốn được tương tự	-TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-17:2006 (IEC 60335-2-17:2006) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
209	Dụng cụ điện đun nước và chứa nước nóng	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm -TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-21:2013 (IEC 60335-2-21:2012) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
210	Thiết bị dùng để chăm sóc da - Xông hơi vùng mặt; - Máy hơi tay hoặc máy sấy làm khô tay; - Thiết bị dùng để chăm sóc da khác	-TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-23:2013 (IEC 60335-2-23:2012) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
211	Máy sấy tóc và các dụng cụ làm đầu - Lược uốn tóc; - Kẹp uốn tóc; - Lô uốn tóc có thiết bị gia nhiệt tách rời; - Thiết bị gia nhiệt dùng cho phơng tiện uốn tóc tháo rời được; - Thiết bị tạo nếp tóc lâu dài. - Máy hấp tóc - Máy là tóc - Các dụng cụ làm đầu khác	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm -TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-23:2013 (IEC 60335-2-23:2012) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
212	Máy sấy khô tay	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm -TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-23:2013 (IEC 60335-2-23:2012) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
213	Tủ lạnh, tủ làm kem và làm nước đá	-TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-24:2007 (IEC 60335-2-24 : 2005)

		-Tiêu chuẩn công bố áp dụng
214	Lò vi sóng, lò vi sóng kết hợp nướng	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm -TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-25:2007 (IEC 60335-2-25:2005) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
215	Đồng hồ - Đồng hồ báo thức; - Đồng hồ dây cót với cơ cấu lên dây hoạt động bằng điện; - Đồng hồ có cơ cấu truyền động không phải là động cơ. - Các loại đồng hồ khác	-TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-26:2007 (IEC 60335-2-26:2005) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
216	Thiết bị chiếu lên da bằng bức xạ cực tím và hồng ngoại	-TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-27:2007 (IEC 60335-2-27:2004) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
217	Máy khâu (bao gồm cả máy vắt sổ và các cụm điện)	-TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-28:2007 (IEC 60335-2-28:2005) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
218	Bộ nạp acqui	-TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-29:2007 (IEC 60335-2-29:2004) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
219	Thiết bị sưởi dùng trong phòng - Thiết bị sưởi đối lưu; - Quạt sưởi; - Thiết bị sưởi dùng trong nhà kính; - Thiết bị sưởi dùng chất lỏng; - Thiết bị sưởi dạng tấm; - Thiết bị sưởi kiểu bức xạ; - Thiết bị sưởi kiểu dàn ống; - Đèn sưởi lắp trên trần. - Các thiết bị sưởi dùng trong phòng khác	-TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-30:2010 (IEC 60335-2-30:2009) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
220	Máy hút mùi và máy hút khói nấu nướng khác	-TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-31:2014 (IEC 60335-2-31:2012) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
221	Thiết bị mát xa - Thiết bị mát xa chân; - Thiết bị mát xa chân dùng nước; - Thiết bị mát xa cầm tay; - Giường mát xa; - Đai mát xa; - Ghế mát xa;	-TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-32:2011 (IEC 60335-2-32:2008) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng

	- Đệm mát xa. - Các thiết bị mát xa khác	
222	Các thiết bị có động cơ-máy nén	-TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-34:2007 (IEC 60335-2-34:2002, With Amendment 1 : 2004) -TCVN 6627-30:2011 -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
223	Dụng cụ điện đun nước nóng tức thời, bình đun nước nóng nhanh	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm -TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-35:2013 (IEC 60335-2-35:2012) -TCVN 7898:2009 -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
224	Dây bếp, lò, ngăn giữ nóng và phần tử giữ nóng dùng trong thương mại	-TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-36:2006 (IEC 60335-2-36:2005) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
225	Chảo rán ngập dầu sử dụng điện dùng trong dịch vụ thương mại	-TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-37:2007 (IEC 60335-2-37:2005) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
226	Phên nướng và vỉ nướng bằng điện dùng trong dịch vụ thương mại	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm -TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-38:2007 (IEC 60335-2-38:2005) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
227	Dụng cụ nấu đa năng bằng điện dùng trong dịch vụ thương mại	-TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-39:2007 (IEC 60335-2-39:2004) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
228	Bơm nhiệt, máy điều hoà không khí và máy hút ẩm - Bơm nhiệt; - Bơm nhiệt cấp nước nóng sinh hoạt; - Máy điều hòa không khí - Máy hút ẩm - Các thiết bị tương tự khác	-TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-40:2007 (IEC 60335-2-40:2005) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
229	Máy bơm - Bơm dùng cho bể nuôi; - Bơm dùng cho ao vườn - Bơm để tăng áp lực phun; - Bơm bùn; - Bơm chìm; - Bơm nước máy đặt trên bàn;	-TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-41:2007 (IEC 60335-2-41:2004) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng

	- Bơm giếng đứng. - Các loại máy bơm khác	
230	Lò đối lưu cưỡng bức, nồi hấp và lò đối lưu hơi nước, sử dụng điện, dùng trong dịch vụ thương mại	-TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-42:2007 (IEC 60335-2-42:2005) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
231	Thiết bị sấy khô quần áo và giá sấy khăn	-TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-43:2007 (IEC 60335-2-43:2005) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
232	Máy là - Máy là kiểu ép do một người vận hành; - Máy là kiểu cán phẳng; - Máy là kiểu quay do một người vận hành; - Máy là quần - Các loại máy là khác	-TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-44:2007 (IEC 60335-2-44:2003) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
233	Dụng cụ gia nhiệt xách tay và các thiết bị tương tự - Dụng cụ in dấu; - Bút khắc; - Dụng cụ hàn ống; - Dụng cụ đốt sừng; - Mò hút thiếc; - Bộ nhóm lửa; - Súng đèn keo; - Súng phun hơi nóng; - Máy dán nhựa nhiệt dẻo dùng trong gia đình; - Dụng cụ tẩy sơn; - Dụng cụ cắt chất dẻo; - Súng hàn; - Mò hàn; - Kim tuốt dây; - Dụng cụ hàn ống nhựa nhiệt dẻo. - Dụng cụ gia nhiệt xách tay khác	-TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-45:2007 (IEC 60335-2-45:2005) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
234	Thiết bị đun nước sôi bằng điện dùng trong dịch vụ thương mại	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm -TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-47:2007 (IEC 60335-2-47:2002) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
235	Lò nướng, lò nướng bánh mỳ bằng điện dùng trong dịch vụ thương mại	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm -TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-48:2007 (IEC 60335-2-

		48:2005) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
236	Tủ giữ nóng bằng điện dùng trong dịch vụ thương mại - Tủ giữ nóng có nóc gia nhiệt; - Tủ bày thức ăn có gia nhiệt; - Chạn bát có gia nhiệt; - Các giá và bàn gia nhiệt - Các thiết bị tương tự khác	-TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-49:2007 (IEC 60335-2-49:2005) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
237	Thiết bị nấu cách thủy bằng điện dùng trong dịch vụ thương mại	-TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-50:2007 (IEC 60335-2-50:2002) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
238	Bơm tuần hoàn đặt tĩnh tại dùng cho các hệ thống nước sưởi và nước dịch vụ	-TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-51:2010 (IEC 60335-2-51:2008) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
239	Thiết bị vệ sinh răng miệng - Ống rửa răng miệng; - Bàn chải đánh răng. - Các thiết bị vệ sinh răng miệng khác	-TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-52:2007 (IEC 60335-2-52:2005) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
240	Thiết bị gia nhiệt dùng cho xông hơi	-TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-53:2007 (IEC 60335-2-53:2005) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
241	Thiết bị làm sạch bề mặt dùng trong gia đình có sử dụng chất lỏng hoặc hơi nước (sử dụng điện 1 pha) - Thiết bị bóc giấy dán tường. - Các thiết bị sử dụng điện để làm sạch các bề mặt như cửa sổ, tường, bể bơi, ... - Các thiết bị khác	-TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-54:2007 (IEC 60335-2-54:2004) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
242	Các thiết bị điện sử dụng trong bể nuôi và ao vườn - Máy sục khí; - Bộ gia nhiệt bể nuôi; - Thiết bị phân phối thức ăn tự động; - Thiết bị hút bùn. - Các thiết bị điện sử dụng trong bể nuôi và ao vườn khác	-TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-55:2013 (IEC 60335-2-55:2008) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
243	Máy chiếu và các thiết bị tương tự - Máy chiếu hiệu ứng; - Máy chiếu phim; - Máy xem phim; - Máy chiếu kính hiển vi; - Máy chiếu ảnh động; - Máy chiếu ảnh không trong suốt;	-TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-56:2007 (IEC 60335-2-56:2003) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng

	- Máy chiếu ảnh trong suốt - không trong suốt; - Máy chiếu qua đầu; - Máy phóng ảnh; - Thiết bị sao chụp ảnh; - Máy chiếu phim dương bản; - Thiết bị phân loại phim dương bản; - Máy xem ảnh tĩnh. - Các máy chiếu và các thiết bị tương tự khác	
244	Máy rửa bát dùng trong dịch vụ thương mại - Máy rửa bát kiểu băng tải; - Máy rửa bát kiểu từng mẻ; - Máy rửa bát kiểu bàn chải. - Máy rửa bát dùng trong dịch vụ thương mại khác	-TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-58:2011 (IEC 60335-2-58:2008) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
245	Thiết bị diệt côn trùng	-TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-59:2004 (IEC 60335-2-59:2002) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
246	Thiết bị sưởi tích nhiệt dùng trong phòng	-TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-61:2006 (IEC 60335-2-61:2005) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
247	Bồn rửa sử dụng điện dùng trong thương mại	-TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-62:2013 (IEC 60335-2-62:2008) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
248	Máy dùng cho nhà bếp sử dụng điện trong dịch vụ thương mại - Máy trộn; - Máy khuấy thực phẩm hoặc khuấy chất lỏng; - Máy nhào; - Máy đập; - Máy xé; - Máy nạo; - Máy xay thịt; - Máy cắt lát; - Máy gọt vỏ; - Dụng cụ mở hộp; - Máy xay cà phê; - Máy rửa và/hoặc làm khô thực phẩm; - Máy chia thức ăn; - Máy cán bột; - Máy làm mì sợi; - Máy sơ chế thực phẩm; - Máy trộn ngô.	-TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-64:2007 (IEC 60335-2-64:2002) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng

	- Máy dùng cho nhà bếp sử dụng điện trong dịch vụ thương mại khác	
249	Thiết bị làm sạch không khí	-TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-65:2010 (IEC 60335-2-65:2008) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
250	Thiết bị gia nhiệt đệm nước	-TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-66:2006 (IEC 60335-2-66:2003) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
251	Máy xử lý sàn dùng cho mục đích thương mại - Máy cọ rửa; - Máy hút ướt hoặc khô; - Máy đánh bóng và đánh nhẵn khô - Máy đánh xi, sáp và các chất tẩy dạng bột; - Máy làm khô sàn; - Máy tẩy, đánh bóng và chà rửa sàn có bề mặt nhân tạo; - Máy xử lý sàn dùng cho mục đích thương mại khác	-TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-67:2013 (IEC 60335-2-67:2012) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
252	Máy giặt thảm kiểu phun hút dùng cho mục đích thương mại	-TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-68:2014 (IEC 60335-2-68:2012) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
253	Máy hút bụi ướt và khô, kể cả bàn chải điện dùng cho mục đích thương mại	-TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-69:2013 (IEC 60335-2-69:2012) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
254	Máy vắt sữa - Máy vắt sữa trực tiếp vào xô; - Máy vắt sữa trực tiếp vào bình; - Máy vắt sữa chảy vào ống dẫn; - Máy vắt sữa có bộ ghi; - Máy vắt sữa dẫn không khí và sữa độc lập. - Các loại máy vắt sữa khác	-TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-70:2013 (IEC 60335-2-70:2007) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
255	Thiết bị gia nhiệt bằng điện dùng trong gây giống và chăn nuôi động vật - Thiết bị bức xạ nhiệt; - Ổ gà sưởi bằng điện; - Lò ấp trứng; - Chuồng gây giống cho gà; - Tán gia nhiệt dùng cho động vật, - Thiết bị gia nhiệt bằng điện dùng trong gây giống và chăn nuôi động vật khác	-TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-71:2013 (IEC 60335-2-71:2007) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
256	Máy xử lý sàn tự động dùng trong	-TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010)

	thương mại và công nghiệp - Máy cọ rửa sàn; - Máy thu gom uớt hoặc khô; - Máy đánh nhẵn; - Máy phủ sấp và xi gắn; - Máy làm khô sàn. - Máy xử lý sàn tự động dùng trong thương mại và công nghiệp khác	-TCVN 5699-2-72:2003 (IEC 60335-2-72:2002) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
257	Bộ gia nhiệt ngâm cố định trong nước	-TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-73:2013 (IEC 60335-2-73:2009) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
258	Dụng cụ điện đun nóng nước kiểu nhúng dùng trong gia đình và các mục đích tương tự có điện áp danh định không lớn hơn 250V (bao gồm que đun điện)	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm -TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-74:2010 (IEC 60335-2-74:2009) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
259	Thiết bị phân phối và máy bán hàng tự động dùng trong thương mại - Máy pha trà hoặc cà phê số lượng lớn; - Máy tự động bán thuốc lá; - Máy xay cà phê; - Thiết bị đun chất lỏng dùng trong thương mại; - Thiết bị pha cà phê espresso; - Máy tự động bán đồ uống nóng và lạnh; - Máy phân phối nước nóng; - Máy phân phối kem và váng sữa đánh toi; - Máy phân phối đá; - Máy tự động bán báo, băng tiếng hoặc băng hình hoặc đĩa; - Máy tự động bán thức ăn và đồ uống đóng hộp; - Tủ trưng bày đông lạnh. - Thiết bị phân phối và máy bán hàng tự động dùng trong thương mại khác	-TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-75:2013 (IEC 60335-2-75:2009) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
260	Máy cắt cỏ vận hành bằng nguồn lưới do người đi bộ điều khiển - Máy cắt cỏ kiểu trục quay - Máy cắt cỏ kiểu bàn quay - Máy cắt cỏ vận hành bằng nguồn lưới do người đi bộ điều khiển khác	-TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-77:2013 (IEC 60335-2-77:2002) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
261	Phên nướng ngoài trời	-TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-78:2013 (IEC 60335-2-78:2009)

		78:2008) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
262	Thiết bị làm sạch bằng áp suất cao và thiết bị làm sạch bằng hơi nước	-TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-79:2003 (IEC 60335-2-79:2002) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
263	Quạt điện: (kể cả quạt phun sương) - Quạt trần; - Quạt bàn; - Quạt treo tường; - Quạt đứng; - Quạt có ống dẫn; - Quạt thông gió dùng điện 1 pha có công suất đến 125 W; - Quạt có ống dẫn dùng điện 1 pha có công suất đến 125 W - Quạt đứng có hoặc không có lưới bảo vệ; - Quạt không cánh (bên ngoài) - Quạt có lắp ác quy, quạt tích điện sử dụng năng lượng điện và năng lượng mặt trời - Quạt tháp (dạng hình tháp) - Quạt sàn có hoặc không có lưới bảo vệ - Quạt điện làm mát không khí bằng bay hơi nước - Quạt điện làm mát bình thường được bố trí thêm sợi dây đốt để sưởi ấm khi có nhu cầu - Quạt sàn - Các loại quạt điện khác	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm -TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-80:2007 (IEC 60335-2-80:2005) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
264	Giày ủ chân và thảm sưởi chân	-TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-81:2013 (IEC 60335-2-81:2012) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
265	Máy giải trí và máy phục vụ cá nhân - Bàn chơi bi - a; - Máy chơi bowling; - Tầm bia chơi phi tiêu; - Máy mô phỏng lái xe; - Máy chơi bài; - Máy nhún dành cho trẻ em; - Thiết bị bắn lazer; - Máy chơi pinball - Trò chơi điện tử; - Máy đổi giá trị thẻ; - Máy phân phối tiền; - Máy khóa hành lý; - Máy cân; - Máy đánh giấy;	-TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-82:2013 (IEC 60335-2-82:2008) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng

	- Máy giải trí và máy phục vụ cá nhân khác	
266	Bồn cầu điện có gắn các thiết bị điện sau: - Cơ cấu bọc nắp ngồi tự động; - Bộ bấm cắt; - Nắp ngồi gia nhiệt; - Khối bơm; - Cơ cấu gia nhiệt cho nước dùng cho bộ vòi phun - Các thiết bị điện khác	-TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-84:2013 (IEC 60335-2-84:2008) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
267	Thiết bị hấp vải	-TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-85:2005 (IEC 60335-2-85:2002) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
268	Máy đánh cá bằng điện	-TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-86:2013 (IEC 60335-2-86:2005) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
269	Thiết bị điện gây choáng động vật	-TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-87:2013 (IEC 60335-2-87:2007) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
270	Các hệ thống gia nhiệt, thông gió hoặc điều hoà không khí	-TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-88:2005 (IEC 60335-2-88:2002) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
271	Thiết bị làm lạnh dùng trong thương mại có khối làm lạnh hoặc máy nén lắp liền hoặc lắp rời - Tủ lạnh dùng để trưng bày và bảo quản; - Tủ đông được làm lạnh; - Quạt phục vụ và quạt tự phục vụ; - Thiết bị làm lạnh dùng quạt gió; - Thiết bị kết đông lạnh dùng quạt gió - Các thiết bị tương tự	-TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-89:2011 (IEC 60335-2-89:2010) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
272	Lò vi sóng dùng trong dịch vụ thương mại	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm -TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-90:2011 (IEC 60335-2-90:2010) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
273	Bộ truyền động dùng cho cửa gara chuyển động theo chiều thẳng đứng dùng cho khu vực nhà ở	-TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-95:2011 (IEC 60335-2-95:2008) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng

274	Bộ truyền động dùng cho mảnh cuộn, mái hiên, rèm và các thiết bị tương tự	-TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-97:2013 (IEC 60335-2-97:2008) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
275	Máy tạo ẩm - Thiết bị phun nước; - Thiết bị hóa hơi nước bằng nhiệt; - Thiết bị thổi không khí qua phân tử ẩm. - Máy tạo ẩm khác	-TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-98:2010 (IEC 60335-2-98:2008) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
276	Máy hút mùi dùng trong thương mại	-TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-99:2015 (IEC 60335-2-99:2003) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
277	Máy thổi, máy hút và máy thổi hút rác vườn cầm tay được vận hành bằng nguồn lưới	-TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-100:2015 (IEC 60335-2-100:2002) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
278	Thiết bị hóa hơi	-TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-101:2011 (IEC 60335-2-101:2008) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
279	Các thiết bị đốt khí đốt, dầu và nhiên liệu rắn có kết nối điện - Lò hơi sưởi ấm tập trung; - Thiết bị cung cấp thực phẩm thương mại; - Thiết bị nấu ăn; - Thiết bị giặt là và làm sạch; - Thiết bị sưởi phòng; - Thiết bị sưởi ấm không khí; - Thiết bị đun nước nóng; - Các thiết bị đốt khí đốt, dầu và nhiên liệu rắn có kết nối điện khác	-TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-102:2013 (IEC 60335-2-102:2009) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
280	Bộ truyền động dùng cho cổng, cửa và cửa sổ sau: - Cửa gập; - Cửa quay tròn; - Cửa cuộn; - Cửa sổ tầng mái; - Cửa nhiều tấm trượt trần; - Cổng hoặc cửa có cánh đu đưa và cánh trượt; - Các loại cửa khác.	-TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-103:2011 (IEC 60335-2-103:2011) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
281	Buồng tắm đa chức năng có vòi hoa sen	-TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-105:2014 (IEC 60335-2-105:2012) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
282	Máy điện ly	-TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010)

		-TCVN 5699-2-108:2013 (IEC 60335-2-108:2008) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
283	Thiết bị xử lý nước bằng bức xạ UV	-TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -TCVN 5699-2-109:2015 (IEC 60335-2-109:2013) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
284	Dây và cáp điện (không bao gồm dây và cáp điện có điện áp dưới 50 V và trên 1.000 V)	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm -TCVN 6610-1:2007 (IEC 60227-1: 1998) -TCVN 6610-3:2000 (IEC 60227-3: 1997) -TCVN 6610-4:2000 (IEC 60227-4: 1992, Adm.1:1997) -TCVN 6610-5:2007 (IEC 60227-5:2003) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
285	Tủ điện phân phối	-IEC 60439-1:2004 -IEC 62271-200:2003 -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
286	Thiết bị điện gia dụng và thiết bị điện khác	-TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
Thiết bị chiếu sáng		
287	Thiết bị chiếu sáng	TCVN 7722-1:2009 (IEC 60598-1:2008) TCVN 7672:2014 (IEC 60968:2012) TCVN 7673:2007 (IEC 60969:2001) TCVN 7590-2-3:2007 (IEC 61347-2-3:2004) TCVN 10885-2-1:2015 (IEC 62722-2-1:2014) TCVN 7186:2010 (CISPR 15:2009)
288	Đèn điện thông dụng lắp cố định	TCVN 7722-2-1:2013 (IEC 60598-2-1:1979, Sửa đổi 1:1987) Tiêu chuẩn công bố áp dụng
289	Đèn điện lắp chìm	TCVN 7722-2-2:2007 (IEC 60598-2-2:1997) Tiêu chuẩn công bố áp dụng
290	Đèn điện dùng cho chiếu sáng đường phố	TCVN 7722-2-3:2007 (IEC 60598-2-3:2002) Tiêu chuẩn công bố áp dụng
291	Đèn điện thông dụng di động	TCVN 7722-2-4:2013 (IEC 60598-2-4: 1997) Tiêu chuẩn công bố áp dụng
292	Đèn pha	TCVN 7722-2-5:2007 (IEC 60598-2-5:1998) Tiêu chuẩn công bố áp dụng
293	Đèn điện có biến áp hoặc bộ chuyển đổi lắp sẵn dùng cho bóng đèn sợi đốt	TCVN 7722-2-6:2009 (IEC 60598-2-6:1994/Amd. 1:1996)

		Tiêu chuẩn công bố áp dụng
294	Đèn điện di động dùng trong vườn	TCVN 7722-2-7:2013 (IEC 60598-2-7:1982, Sửa đổi 1:1987, Sửa đổi 2:1994) Tiêu chuẩn công bố áp dụng
295	Đèn điện cầm tay	TCVN 7722-2-8:2013 (IEC 60598-2-8:2007) Tiêu chuẩn công bố áp dụng
296	Đèn ngủ cắm vào ổ cắm nguồn lưới	TCVN 7722-2-12:2013 (IEC 60598-2-12 : 2006) Tiêu chuẩn công bố áp dụng
297	Đèn lắp chìm trong đất	TCVN 7722-2-13:2013 (IEC 60598-2-13:2012) Tiêu chuẩn công bố áp dụng
298	Chuỗi đèn	TCVN 7722-2-20:2013 (IEC 60598-2-20:2010) Tiêu chuẩn công bố áp dụng
299	Đèn điện dùng cho chiếu sáng khẩn cấp	TCVN 7722-2-22:2013 (IEC 60598-2-22:2008) Tiêu chuẩn công bố áp dụng
300	Đèn điện có giới hạn nhiệt độ bề mặt	TCVN 7722-2-24:2013 (ISO 60598-2-24 : 1997) Tiêu chuẩn công bố áp dụng
Thiết bị nghe nhìn		
301	Thiết bị thu và bộ khuếch đại âm thanh và/hoặc hình ảnh;	TCVN 6385:2009 (IEC 60065:2005) TCVN 7600:2010 (CISPR 13:2009) Tiêu chuẩn công bố áp dụng
302	Bộ chuyển đổi tải và bộ chuyển đổi nguồn độc lập;	
303	Thiết bị cấp nguồn được thiết kế để cung cấp cho các thiết bị khác;	
304	Dụng cụ âm nhạc bằng điện tử, và các phụ kiện điện tử như bộ phát nhịp, bộ phát âm sắc, bộ điều hướng âm nhạc và tương tự được sử dụng cùng các dụng cụ âm nhạc bằng điện tử hoặc phi điện tử;	
305	Thiết bị nghe và/hoặc nhìn dùng trong giáo dục;	
306	Các thiết bị nghe nhìn tương tự khác	
Thiết bị công nghệ thông tin		
307	Thiết bị ngân hàng	TCVN 7326-1:2003 (IEC 60950-1:2001) TCVN 7189:2009 (CISPR 22:2006) Tiêu chuẩn công bố áp dụng
308	Các máy xử lý dữ liệu và văn bản và các thiết bị kết nối	
309	Thiết bị mạng lưới dữ liệu	
310	Thiết bị điện và điện tử dùng cho các điểm bán lẻ	
311	Thiết bị điện và điện tử dùng trong văn	

	phòng	
312	Thiết bị bưu chính	
313	Thiết bị hạ tầng Mạng viễn thông	
314	Thiết bị đầu cuối viễn thông	
315	Các thiết bị công nghệ thông tin khác	
316	Các thiết bị thông tin, vô tuyến điện khác	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
	Tương thích điện từ (EMC) đối với thiết bị điện và điện tử gia dụng và các mục đích tương tự	
317	Dụng cụ điện đun nước nóng tức thời (bao gồm bình đun nước nóng nhanh sử dụng với mục đích tắm rửa, <i>vòi có bộ phận đun nước nóng nhanh. Không bao gồm các cây nóng lạnh hoặc bình đun nước nóng khác. Không bao gồm sản phẩm sử dụng điện 3 pha.</i>) - Dụng cụ điện đun nước nóng tức thời dùng trong gia đình (Bình thủy điện (water dispenser) đun nước nóng, loại gia dụng) - Các thiết bị, dụng cụ đun nước nóng tức thời khác dùng trong gia đình và các mục đích tương tự (như vòi có bộ phận đun nước nóng nhanh,...)	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 7492-1:2010 (CISPR 14-1:2009) - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
318	Máy khoan cầm tay hoạt động bằng động cơ điện (không bao gồm máy khoan gắn liền với động cơ điện hoạt động bằng pin/pin sạc).	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 7492-1:2010 (CISPR 14-1:2009) - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
319	Các dụng cụ cầm tay hoạt động bằng động cơ điện khác (máy cưa, máy mài, cắt kim loại cầm tay, máy bắt vít, máy bào gỗ, ...)	- TCVN 7492-1:2010 (CISPR 14-1:2009) - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
320	Bóng đèn phóng (Bóng đèn có balat lắp liền, bóng đèn huỳnh quang, catốt nóng). Cụ thể: - Bóng đèn phóng: Bóng đèn huỳnh quang, ca-tốt nóng dùng cho đèn huỳnh quang com-pắc - Bóng đèn phóng: Bóng đèn huỳnh quang, ca-tốt nóng loại khác, dạng ống thẳng dùng cho đèn huỳnh quang khác - Bóng đèn phóng: Bóng đèn huỳnh quang com-pắc đã có chấn lưu lắp liền (SEN)	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 7186:2010 (CISPR 15:2009) - Tiêu chuẩn công bố áp dụng

	- Bóng đèn phóng: Bóng đèn huỳnh quang, ca-tốt nóng loại khác - Bóng đèn phóng: loại Ống huỳnh quang dùng cho đèn huỳnh quang com-pắc - Bóng đèn phóng: Bóng đèn huỳnh quang ca-tốt lạnh khác - Đèn đi-ốt phát quang (LED) - Bóng đèn phóng: loại khác	
321	Máy hút bụi có động cơ gắn liền (bao gồm cả máy hút bụi dùng trong thương mại). Bao gồm: - Máy hút bụi có động cơ gắn liền, công suất không quá 1.500 W và có túi hứng bụi hay đồ chứa khác với sức chứa không quá 20 lít - Máy hút bụi có động cơ gắn liền, loại phù hợp dùng cho mục đích gia dụng - Máy hút bụi có động cơ gắn liền, loại khác phù hợp dùng cho mục đích tương tự	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm -TCVN 7492-1:2010 (CISPR 14-1:2009) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
322	Máy giặt gia đình, kể cả máy có chức năng sấy khô (không bao gồm các sản phẩm sử dụng điện 3 pha). Cụ thể: - Máy làm khô bằng ly tâm: máy làm khô quần áo (máy vắt) - Máy tự động hoàn toàn, loại có sức chứa không quá 06 kg vải khô một lần giặt - Máy tự động hoàn toàn, loại có sức chứa từ 06 kg đến không quá 10 kg vải khô một lần giặt - Máy giặt loại khác, có chức năng sấy ly tâm, có sức chứa không quá 06 kg vải khô một lần giặt - Máy giặt loại khác, có chức năng sấy ly tâm, loại có sức chứa từ 06 kg đến không quá 10 kg vải khô một lần giặt - Máy giặt loại khác, hoạt động bằng điện, có sức chứa không quá 06 kg vải khô một lần giặt - Máy giặt loại khác, hoạt động bằng điện, loại có sức chứa từ 06 kg đến không quá 10 kg vải khô một lần giặt	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm -TCVN 7492-1:2010 (CISPR 14-1:2009) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
323	Tủ lạnh, tủ kết đông và thiết bị làm lạnh hoặc kết đông khác, loại dùng điện; bơm nhiệt dùng trong gia dụng và các mục đích tương tự (Không bao gồm sản phẩm sử dụng điện 3 pha).	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm -TCVN 7492-1:2010 (CISPR 14-1:2009) -Tiêu chuẩn công bố áp dụng

	Bao gồm: - Tủ kết đông lạnh liên hợp (dạng thiết bị có buồng làm đá và làm lạnh riêng biệt), có các cửa mở riêng biệt. Loại sử dụng trong gia đình, dung tích không quá 230 lít - Tủ kết đông lạnh liên hợp (dạng thiết bị có buồng làm đá và làm lạnh riêng biệt), có các cửa mở riêng biệt. Loại sử dụng trong gia đình khác (như tủ làm mát, tủ bảo quản, ...) - Tủ kết đông lạnh liên hợp (dạng thiết bị có buồng làm đá và làm lạnh riêng biệt), có các cửa mở riêng biệt. Loại có dung tích không quá 350 lít - Tủ kết đông lạnh liên hợp (dạng thiết bị có buồng làm đá và làm lạnh riêng biệt), có các cửa mở riêng biệt. Loại sử dụng trong gia đình khác (như tủ làm mát, tủ bảo quản, ...) - Tủ lạnh, loại sử dụng trong gia đình, sử dụng máy nén, có dung tích không quá 230 lít - Tủ lạnh, loại khác sử dụng trong gia đình, sử dụng máy nén (như tủ làm mát, tủ bảo quản, ...) - Tủ lạnh dùng trong gia đình, loại khác - Tủ kết đông, loại cửa trên, dung tích không quá 200 lít - Tủ kết đông, loại cửa trên, dung tích từ 200 lít đến không quá 800 lít - Tủ kết đông, loại cửa trước, dung tích không quá 200 lít - Tủ kết đông, loại cửa trước, dung tích từ 200 lít đến không quá 800 lít - Loại có kiểu dáng nội thất khác (tủ, tủ ngăn, quầy hàng, tủ bày hàng và loại tương tự) để bảo quản và trưng bày, có lắp thiết bị làm lạnh hoặc kết đông, dung tích trên 200 lít - Loại có kiểu dáng nội thất khác (tủ, tủ ngăn, quầy hàng, tủ bày hàng và Loại tương tự) để bảo quản và trưng bày, có lắp thiết bị làm lạnh hoặc kết đông, dung tích dưới 200 lít - Thiết bị làm lạnh hoặc kết đông khác; bơm nhiệt (trừ loại máy điều	
--	---	--

	hòa không khí) - Thiết bị làm lạnh hoặc kết đông khác; bơm nhiệt: thiết bị làm lạnh đồ uống - Thiết bị làm lạnh hoặc kết đông khác; bơm nhiệt: thiết bị cấp nước lạnh (cold water dispenser)	
324	Máy điều hòa không khí, gồm có một quạt chạy bằng mô tơ và các bộ phận làm thay đổi nhiệt độ và độ ẩm, kể cả loại máy không điều chỉnh độ ẩm một cách riêng biệt, sử dụng trong gia dụng và các mục đích tương tự (có giới hạn dòng điện trên mỗi pha không quá 25 A; <i>không bao gồm các sản phẩm sử dụng điện 3 pha</i>). Cụ thể: - Loại thiết kế để lắp vào cửa sổ, tường, trần hoặc sàn, kiểu một khối (lắp liền trong cùng một vỏ, một cục) hoặc "hệ thống nhiều khối chức năng" (cục nóng, cục lạnh tách biệt), Công suất làm mát không quá 26,38 kW - Loại kèm theo một bộ phận làm lạnh và một van đảo chiều chu trình nóng/lạnh (bơm nhiệt có đảo chiều), công suất làm mát trên 21,10 kW và có lưu lượng không khí đi qua mỗi dàn bay hơi trên 67,96 m³/min (1) - Điều hòa không khí, kèm theo một bộ phận làm lạnh và một van đảo chiều chu trình nóng/lạnh (bơm nhiệt có đảo chiều) công suất làm mát không quá 21,10 kW - Điều hòa không khí loại khác, kèm theo một bộ phận làm lạnh và một van đảo chiều chu trình nóng/lạnh (bơm nhiệt có đảo chiều), công suất làm mát trên 21,10 kW nhưng không quá 26,38 kW - Điều hòa không khí loại khác với loại ở mục a), b), c), có kèm theo bộ phận làm lạnh, công suất làm mát không quá 26,38 kW - Điều hòa không khí loại khác với loại ở mục a), b), c), không gắn kèm theo bộ phận làm lạnh, công suất làm mát không quá 26,38 kW	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 7492-1:2010 (CISPR 14-1:2009) - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
325	Các thiết bị điện và điện tử gia dụng khác	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - Tiêu chuẩn công bố áp dụng

326	Thiết bị công nghệ thông tin, phát thanh truyền hình đầu và cuối viễn thông	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm -TCVN 7189:2009 -TCVN 7317:2003 -TCVN 8235:2009 -TCVN 7600:2010 -Tiêu chuẩn công bố áp dụng
327	Thiết bị vô tuyến điện	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - EN 301489-1 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
Dây, cáp điện cách điện và dây dẫn cách điện khác		
328	Dây trần dùng cho đường dây tải điện trên không	- TCVN 5064:1994 & TCVN 5064:1994 Sđ: 1995 - TCVN 8090 : 2009 (IEC 62219 : 2002) - TCVN 6483:1999 (IEC 1089 : 1991) - IEC 61089:1991 AD1:1997 - ASTM B232M-11 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
329	Sợi dây đồng tròn tráng men	- TCVN 7675-3:2007 - IEC 60317-7:1990 - IEC 60317-13:2010 - IEC 60317-46:2013 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
330	Sợi giấy đồng hình chữ nhật có bọc giấy	- TCVN 7675-27:2008 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
331	Cáp điện có cách điện dạng đùn và phụ kiện	- IEC 60502-1:2009 - IEC 60502-2:2014 - TCVN 5935-1:2013 - TCVN 5935-2:2013 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
332	Cáp điện lực vặn xoắn cách điện bằng XLPE, điện áp làm việc lên tới 0,6 kV	- TCVN 6447:1998 - AS 3560-1:2010 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
333	Cáp điện chống cháy	- IEC 60331-21:1999 - BS 6387:2013 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
334	Cáp điện và cáp sợi quang chống cháy	- IEC 60332-3-23:2000 - IEC 60332-3-24:2000 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
335	Cáp điều khiển và đo lường	- PAS 5308-1:2009 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
336	Cáp cách điện bằng PVC có điện áp danh định đến và bằng 450/750 V	- BS 6004:2000 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng

337	Hệ thống ống dùng cho quản lý cáp	- BS EN 61386-21:2004 + A11:2010 - BS EN 61386-22:2004 - BS EN 61386-23:2004 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
338	Các loại dây, cáp khác: cáp điện thoại, cáp vô tuyến,	- TCVN 8238:2009 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
XIII	Sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng	
	Nhóm xi măng, phụ gia cho xi măng và bê tông	
339	Xi măng poóc lăng	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 2682: 2009 - ASTM C150/C150M-12 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
340	Xi măng poóc lăng hỗn hợp	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 6260: 2009 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
341	Xi măng poóc lăng bền sun phat	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 6067: 2004 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
342	Xi măng poóc lăng hỗn hợp bền sun phat	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 7711: 2013 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
343	Xi hạt lò cao dùng sản xuất xi măng	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 4315:2007 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
344	Tro bay dùng cho bê tông, vữa xây và xi măng	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 10302: 2014 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
345	Thạch cao phospho dùng để sản xuất xi măng	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
	Kính xây dựng	
346	Kính nổi	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 7218: 2002

		- Tiêu chuẩn công bố áp dụng
347	Kính màu hấp thụ nhiệt	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 7529:2005 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
348	Kính phủ phản quang	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 7528: 2005 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
349	Kính phủ bức xạ thấp	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 9808: 2013 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
350	Kính gương tráng bạc	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 7624:2007 - TCVN 7218:2002 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
Gạch, đá ốp lát		
351	Gạch gốm ốp lát ép bán khô	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 7745: 2007 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
352	Gạch gốm ốp lát đùn dẻo	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 7483: 2005 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
353	Đá ốp lát tự nhiên	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 4732:2016 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
Cát xây dựng		
354	Cát tự nhiên dùng cho bê tông và vữa	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 7570: 2006 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
355	Cát nghiền cho bê tông và vữa	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 9205: 2012

		- Tiêu chuẩn công bố áp dụng
	Vật liệu xây	
356	Gạch đặc đất sét nung	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 1451: 1986 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
357	Gạch rỗng đất sét nung	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 1450: 2009 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
358	Gạch bê tông	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 6477: 2011 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
359	Sản phẩm bê tông khí chưng áp (AAC)	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 7959: 2011 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
360	Sản phẩm bê tông bọt và bê tông khí không chưng áp	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 9029: 2011 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
	Vật liệu xây dựng khác	
361	Tấm sóng amiăng xi măng	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 4434: 2000 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
362	Amiăng crizôlin để sản xuất tấm sóng amiăng xi măng	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 9188:2012 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
363	Tấm thạch cao	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 8256: 2009 - BS EN 520:2004 - ASTM C1396/C1396M-13 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
364	Sơn tường dạng nhũ tương	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm

		- TCVN 8652:2012 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
365	Ống nhựa Polyetylen (PE) dùng để cấp nước	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 7305-2:2008 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
366	Ống nhựa Polypropylen (PP) dùng để dẫn nước nóng và nước lạnh	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 10097-2:2013
367	Sản phẩm hợp kim nhôm dạng profile dùng để chế tạo cửa sổ và cửa đi	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - TCVN 5839:1994 - TCVN 5910:1995 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
368	Thanh profile poly vinyl clorua không hóa dẻo (PVC-U) dùng để chế tạo cửa sổ và cửa đi	- Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm - BS EN 12608-1:2016 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
369	Xi măng poóc lăng	- TCVN 7024: 2013 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
370	Xi măng poóc lăng trắng	- TCVN 5691: 2000 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
371	Xi măng Alumin	- TCVN 7569: 2007 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
372	Xi măng giềng khoan chủng loại G	- TCVN 7445-1: 2004 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
373	Xi măng poóc lăng ít tỏa nhiệt	- TCVN 6069: 2007 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
374	Xi măng poóc lăng hỗn hợp ít tỏa nhiệt	- TCVN 7712: 2013 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
375	Xi măng poóc lăng xi lò cao	- TCVN 4316: 2007 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
376	Xi măng xây trát	- TCVN 9202: 2012 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
377	Kính kéo	- TCVN 7736: 2007 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
378	Kính cán vân hoa	- TCVN 7527: 2005 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
379	Kính phẳng tôi nhiệt	- TCVN 7455: 2013 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
380	Kính dán an toàn nhiều lớp	- TCVN 7364-2: 2004 - TCVN 7364-5: 2004 - TCVN 7364-6: 2004

		- Tiêu chuẩn công bố áp dụng
381	Kính dán nhiều lớp	- TCVN 7364-2: 2004 - TCVN 7364-5: 2004 - TCVN 7364-6: 2004 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
382	Kính cốt lưới thép	- TCVN 7456: 2004 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
383	Phụ gia khoáng cho xi măng	- TCVN 6682:2001 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
384	Phụ gia công nghệ cho xi măng	- TCVN 8878:2011 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
385	Phụ gia khoáng hoạt tính cao dùng cho bê tông và vữa: silicafume (SF) và tro trấu nghiền mịn (RHA)	- TCVN 8827:2011 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
386	Phụ gia khoáng cho bê tông đầm lăn	- TCVN 8825: 2011 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
387	Phụ gia hóa học cho bê tông	- TCVN 8826: 2011 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
388	Tấm xi măng sợi	- TCVN 8258:2009 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
389	Ván sàn gỗ nhân tạo	- TCVN 7960:2008 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
390	Ván MDF	- TCVN 7753: 2007 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
391	Ván dăm	- TCVN 7754: 2007 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
392	Nhôm và hợp kim nhôm định hình	- TCVN 5838:1994 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
393	Sơn nhũ tương nhựa tổng hợp	- TCVN 8652:2012 - JIS K 5663:2003 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
394	Sơn tường nội thất gia dụng	- JIS K 5960 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
395	Sơn Epoxy	- TCVN 9014:2011 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
396	Sơn Alkyd	- TCVN 5730:2008 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
397	Bột bả tường gốc xi măng pooc lăng	- TCVN 7239:2014 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
398	Tấm trải chống thấm trên cơ sở bi tum biến tính	- TCVN 9066:2012 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
399	Băng chặn nước PVC	- TCVN 9407:2014 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
400	Vật liệu chống thấm gốc xi măng polyme	- TCVN 9065:2012 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
401	Silicon trám khe cho kết cấu xây dựng	- TCVN 8266:2009 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
402	Gạch gốm ốp lát- Gạch ngoại thất	- TCVN 8495-1: 2010

	Mosaic	- Tiêu chuẩn công bố áp dụng
403	Gạch terrazzo	- TCVN 7744: 2013 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
404	Đá ốp lát nhân tạo trên cơ sở chất kết dính hữu cơ	- TCVN 8057:2009 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
405	Sản phẩm sứ vệ sinh - Xí bệt, tiểu nữ - Chậu rửa - Xí xô - Các sản phẩm sứ vệ sinh khác	- TCVN 6073: 2005 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
406	Cốt liệu lớn (đá dăm, sỏi, sỏi dăm) cho bê tông	- TCVN 7570: 2006 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
407	Cửa sổ, cửa đi bằng khung nhựa cứng U-PVC	- TCVN 7451: 2004 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
408	Cửa đi, cửa sổ - Cửa gỗ	- TCVN 9366-1:2012 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
409	Cửa đi, cửa sổ - Cửa kim loại	- TCVN 9366-2:2012 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
410	Cát xây dựng, sỏi-đá xây dựng, đất xây dựng, ...	- TCVN 7570:2006 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
411	Xi măng thủy hoá	- ASTM C1157/C1157M-15 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
412	Gạch mosaic ngoài nhà	- TCVN 8264:2009 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
413	Gạch bê tông tự chèn	- TCVN 6476:1999 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
414	Chân kê bê tông cốt liệu đúc sẵn bảo vệ bờ và đê biển	- TCVN 9139:2012 - TCVN 9901:2014 - TCVN 10798:2015 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
415	Vữa cho bê tông nhẹ	- TCVN 9028:2011 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
416	Vữa, keo dán gạch	- TCVN 7899-1:2008 - ISO 13007-1:2004 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
417	Vữa, keo chít mạch	- TCVN 7899-1:2008 - ISO 13007-1:2004 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
418	Cống hộp bê tông cốt thép	- TCVN 9116:2012 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
419	Ống bê tông cốt thép thoát nước	- TCVN 9113:2012 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
420	Cột điện bê tông ly tâm tiền áp	- TCVN 5847:2016 - JIS A 9309:1991 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
421	Bột bả tường gốc xi măng pooc lăng	- TCVN 7239:2014 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
422	Gạch gốm ốp lát	- TCVN 7745:2007

		- BN 14411:2012 - ISO 13006:2012 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
423	Cọc bê tông ly tâm ứng lực trước	- TCVN 7888:2014 - JIS A 5335:1987 - JIS A 5337:1982 - JIS A 5373:2010 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
424	Ngói xi măng cát	- TCVN 1453:1986 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
425	Kính phẳng an toàn và nhựa an toàn	- BS 6206:1981 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
426	Tấm nhôm nhựa	- GB/T 17748:2008 - GB/T 22412:2008
427	Khung trần treo kim loại	- ASTM C635/C635M-13a - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
428	Khung vách ngăn kim loại	- ASTM C645-11a - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
429	Đinh thép	- JIS A 5508:2009 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
430	Cáp thép	- JIS G 3525:2006 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
431	Vải địa kỹ thuật và bấc thấm	- TCVN 9844:2013 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
432	Foam cách nhiệt	- TCVN 7950:2008 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
433	Màng, ống xoắn nhựa dẻo (HDPE)	- TCVN 9569:2013 (ISO 14632:1998) - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
434	Tồn nhựa lượn sóng	- TCVN 8053:2009 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
435	Các loại vật liệu xây dựng khác	- Tiêu chuẩn công bố áp dụng
XIV	Cấu kiện xây dựng	
436	Cấu kiện bê tông, thép, bê tông cốt thép và bê tông cốt thép dự ứng lực trước: dầm, cọc khoan nhồi, tường vây, cọc barrette, cọc ống, cọc ván, cọc vuông, ống cống, ống hộp, cột điện, tấm panel tường-vách, tà vẹt, ...	- JIS 5373:2010 - TCXDVN 239:2006 - TCVN 3118:1993 - TCVN 6394:2014 - TCVN 7888:2008 - TCVN 9113:2012 - TCVN 9114:2012 - TCVN 9116:2012 - TCVN 9334:2012 - TCVN 10332:2014 - TCVN 10333-1:2014 - TCVN 10333-2:2014 - TCVN 10334:2014 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
437	Cấu kiện bê tông cốt sợi, bê tông cốt	- JIS 5373:2010

	thép thành mỏng đúc sẵn: mương, hào kỹ thuật, hố ga, hố thu nước mưa và ngăn mùi, bể tự hoại dùng cho nhà vệ sinh, chân kê bảo vệ, ...	- TCXDVN 239:2006 - TCVN 3118:1993 - TCVN 6394:2014 - TCVN 7888:2008 - TCVN 9113:2012 - TCVN 9114:2012 - TCVN 9116:2012 - TCVN 9334:2012 - TCVN 10332:2014 - TCVN 10333-1:2014 - TCVN 10333-2:2014 - TCVN 10334:2014 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng
438	Các loại cấu kiện xây dựng khác: cửa sổ, cửa đi, cột điện composit, gôl cầu, khe co giãn, băng chặn nước, rọ đá và thảm đá, ...	- JIS 5373:2010 - TCXDVN 239:2006 - TCVN 3118:1993 - TCVN 6394:2014 - TCVN 7888:2008 - TCVN 9113:2012 - TCVN 9114:2012 - TCVN 9116:2012 - TCVN 9334:2012 - TCVN 10332:2014 - TCVN 10333-1:2014 - TCVN 10333-2:2014 - TCVN 10334:2014 - Tiêu chuẩn công bố áp dụng

Lưu ý: Đối với các sản phẩm, hàng hóa thuộc đối tượng áp dụng các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành, Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3 phải được sự chấp thuận của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực trước khi thực hiện hoạt động chứng nhận./.

